



Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2018

**BIÊN BẢN HỌP**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018**  
**TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP**

Hôm nay, ngày **18 tháng 4 năm 2018** vào hồi **08h30** tại Hội trường tầng 4 - Trung tâm Hội nghị Mípec Palace, số 229 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, Hà Nội  
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP, mã số doanh nghiệp 0101463614  
Trụ sở chính : Tầng 18&19, số 229 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, Hà Nội  
Đã tiến hành trọng thể Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018, với các nội dung như sau :

**PHẦN THỨ NHẤT**  
**CÁC THỦ TỤC KHAI MẠC ĐẠI HỘI**

1. Thành phần tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 Tổng công ty, gồm có:
  - 1.1 Đại biểu mời tham dự :
    - Cổ đông chi phối : Tập đoàn xăng dầu Việt Nam
    - Đại diện đơn vị kiểm toán BCTC năm 2017 - KPMG Việt Nam
  - 1.2 Cổ đông và Đại diện cổ đông dự họp : Theo nội dung của Điểm 2.2, mục 2 Biên bản này.
2. ĐHĐCĐ thường niên 2018 đã nghe ông Ngô Đức Giang - Trưởng Ban kiểm tra xác nhận tư cách Cổ đông và Đại diện Cổ đông - công bố kết quả kiểm tra xác nhận tư cách Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp như sau :
  - 2.1. Căn cứ Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền bỏ phiếu của Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex-CTCP số V234/2018-PLC/VSD-ĐK, ngày đăng ký cuối 20/3/2018, do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp, tổng số có 2.051 Cổ đông sở hữu tương ứng 80.798.839 cổ phần. Trong đó : Trừ 1.273 cổ phần là cổ phiếu quỹ của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex, còn 2.050 Cổ đông tương ứng 80.797.566 cổ phần có quyền biểu quyết được quyền dự họp ĐHĐCĐ thường niên 2018 của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex, bao gồm :
    - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam là Cổ đông có cổ phần chi phối, sở hữu 63.889.259 cổ phần, chiếm 79,07% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, đã cử 06 (sáu) đại diện theo văn bản số 142/PLX-QĐ-HĐQT ngày 13/4/2018 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam;
    - Cổ đông là các tổ chức khác có 38 đơn vị, sở hữu 7.878.187 cổ phần, chiếm 9,75% cổ phần có quyền biểu quyết. Trong đó :

- + Cổ đông là tổ chức nước ngoài có **24** đơn vị, sở hữu **6,505,213** cổ phần, chiếm **8,05 %** cổ phần có quyền biểu quyết;
- + Cổ đông cá nhân là người nước ngoài có **40** Cổ đông, sở hữu **76,609** cổ phần, chiếm **0,09%** cổ phần có quyền biểu quyết;
- + Tổng số cổ phần do các Cổ đông nước ngoài nắm giữ là **6.581.822** cổ phần, chiếm **8,14%** cổ phần có quyền biểu quyết;
- + Cổ đông cá nhân trong nước là **1.971** Cổ đông, sở hữu **8,953,511** cổ phần chiếm tỷ lệ **11,08 %** cổ phần có quyền biểu quyết;

2.2. Số Cổ đông và Đại diện Cổ đông thực tế dự họp vào thời điểm công bố kết quả kiểm tra xác nhận tư cách Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp là 53 người, sở hữu hoặc đại diện sở hữu 66.707.094 cổ phần, chiếm 82,56% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết hiện tại của Tổng công ty. Trong đó :

- Đại diện Cổ đông Tập đoàn xăng dầu Việt Nam: **06** người, đại diện sở hữu **63.889.259** cổ phần, chiếm 79,07 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
- Cổ đông và Đại diện Cổ đông cá nhân khác : 46 người, đại diện sở hữu 2.817.835 cổ phần, chiếm 3,49% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết Tổng công ty;

2.4. Số Cổ đông và Đại diện Cổ đông thực tế dự họp vào thời điểm biểu quyết các nội dung của Đại hội là 64 người, sở hữu hoặc đại diện sở hữu 71.252.849 cổ phần tương đương 88,19% số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty;

(Báo cáo Kiểm tra xác nhận tư cách Cổ đông và Đại diện Cổ đông thực tế dự họp ĐHĐCĐ thường niên 2018 Tổng công ty - đính kèm).

Theo quy định của Điều lệ Tổng công ty, cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2018 đã hội đủ các điều kiện để tiến hành. Các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp có quyền biểu quyết các nội dung văn kiện đại hội theo số cổ phần PLC mà họ sở hữu hoặc đại diện sở hữu;

**3. Đoàn Chủ tịch và Ban Thư ký ĐHĐCĐ :** Theo quy định của Điều lệ PLC, Chủ tịch HĐQT là Chủ tọa điều hành cuộc họp ĐHĐCĐ do HĐQT triệu tập. Ông **Phạm Bá Nhuận** Chủ tịch HĐQT PLC - Chủ tọa ĐHĐCĐ đã giới thiệu và Đại hội đã nhất trí thông qua nhân sự tham gia Đoàn chủ tịch và Ban Thư ký Đại hội với tỷ lệ **100%**, gồm có các Ông (Bà) sau :

**3.1** Đoàn Chủ tịch gồm có :

- Ông **Phạm Bá Nhuận** : Đại diện quản lý phần vốn của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) tại PLC và là Cổ đông cá nhân; Chủ tịch HĐQT PLC - Chủ tọa ĐHĐCĐ;
- Ông **Nguyễn Văn Đức** : Đại diện quản lý phần vốn của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) tại PLC và là Cổ đông cá nhân; Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc PLC - Thành viên Đoàn chủ tịch;

**3.2** Ban Thư ký ĐHĐCĐ gồm có :

- Bà **Trần Diễm Hồng** : Thư ký Tổng công ty và là Cổ đông cá nhân;
- Bà **Trần Thanh Thúy** là Cổ đông cá nhân;
- Ông **Nguyễn Văn Ngọc** là Cổ đông cá nhân.

**4. Chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên 2018** do ông **Phạm Bá Nhuận** trình bày được Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ là **100%**;

5. **Thê lệ biểu quyết các văn kiện tại ĐHĐCĐ thường niên 2018** do ông Phạm Bá Nhuận trình bày được Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ là **100%**. Trong đó, nguyên tắc thực hiện quyền biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết. Một (**01**) cổ phần biểu quyết tương đương với **01** điểm. Các quyết định về số lượng cổ phiếu được quyền phát hành và sửa đổi, bổ sung Điều lệ PLC được thông qua khi có ít nhất **82%** tổng số điểm. Các quyết định khác được thông qua khi có ít nhất **80%** tổng số điểm của các Cổ đông và Đại diện cổ đông dự họp ĐHĐCĐ chấp thuận;

## PHẦN THỨ HAI

### CÁC TÀI LIỆU ĐƯỢC ĐHĐCĐ THẢO LUẬN VÀ BIỂU QUYẾT THÔNG QUA

1. Đại hội đã tham gia ý kiến vào **Tờ trình Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty PLC** (đính kèm). ĐHĐCĐ nhất trí thông qua với 71.252.849 điểm, đạt tỷ lệ **100 %** tổng số điểm của các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại thời điểm thông qua này;
2. Đại hội đã tham gia ý kiến vào **Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty** (đính kèm). ĐHĐCĐ nhất trí thông qua với 71.252.849 điểm, đạt tỷ lệ **100 %** tổng số điểm của các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại thời điểm thông qua này;
3. Đại hội đã tham gia ý kiến vào **Báo cáo của Ban kiểm soát Tổng công ty năm 2017** (đính kèm). ĐHĐCĐ nhất trí thông qua với 71.252.849 điểm, đạt tỷ lệ **100 %** tổng số điểm của các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại thời điểm thông qua Báo cáo này;
4. Đại hội đã tham gia ý kiến vào **Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Tổng công ty PLC** (đính kèm). ĐHĐCĐ nhất trí thông qua với 71.252.849 điểm, đạt tỷ lệ **100 %** tổng số điểm của các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại thời điểm thông qua này;
5. Đại hội đã tham gia ý kiến vào **Báo cáo của HĐQT Tổng công ty PLC năm 2017** (đính kèm). ĐHĐCĐ nhất trí thông qua với 71.252.849 điểm, đạt tỷ lệ **100 %** tổng số điểm của các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại thời điểm thông qua Báo cáo này;
6. Đại hội đã tham gia ý kiến vào **Báo cáo Quyết toán QTL và thù lao của các TV HĐQT, các TV BKS PLC năm 2017** (đính kèm). ĐHĐCĐ nhất trí thông qua với 71.252.849 điểm, đạt tỷ lệ **100 %** tổng số điểm của các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại thời điểm thông qua này;
7. Đại hội đã tham gia ý kiến vào **Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận và mức chia cổ tức năm 2017** (đính kèm). ĐHĐCĐ nhất trí thông qua với 71.252.849 điểm, đạt tỷ lệ **100 %** tổng số điểm của các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại thời điểm thông qua Báo cáo này;
8. Đại hội đã tham gia ý kiến vào **Tờ trình Kế hoạch SXKD năm 2018 của PLC** (báo cáo đính kèm) với các chỉ tiêu chủ yếu như sau :

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2017	KẾ HOẠCH NĂM 2018	KH 2018/TH 2017
1	Sản lượng	Tấn; m3	340.970	359.280	105%
2	Doanh thu thuần	Triệu đ	5.046.459	5.530.871	110%
3	Tổng LN trước thuế	Triệu đ	215.077	236.814	110%
4	Tổng LN sau thuế	Triệu đ	171.401	189.452	111%
5	Tỷ suất LNST/VCSH	%	12,87%	14,04%	
6	Tỷ suất LNST/VĐL	%	21,21%	23,45%	
7	Tỷ lệ chia cổ tức	%	20%	Tối thiểu 80% LNST	

Đại hội đã tham gia ý kiến và nhất trí thông qua với 71.252.849 điểm, đạt tỷ lệ **100 %** tổng số điểm của các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại thời điểm thông qua Báo cáo này;

9. Đại hội đã tham gia ý kiến vào **Tờ trình Phương án trả thù lao cho các TV HĐQT, các TV BKS PLC năm 2018** (đính kèm). ĐHĐCĐ nhất trí thông qua với 71.252.849 điểm, đạt tỷ lệ **100 %** tổng số điểm của các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại thời điểm thông qua Phương án này;
10. Đại hội đã tham gia ý kiến vào **Tờ trình Lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính Tổng công ty PLC năm 2018** (đính kèm). ĐHĐCĐ nhất trí thông qua với 71.252.849 điểm, đạt tỷ lệ **100 %** tổng số điểm của các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại thời điểm thông qua Báo cáo này;

### PHẦN THỨ BA

#### CÁC Ý KIẾN THAM GIA CỦA CỔ ĐÔNG VÀ PHÁT BIỂU CỦA ĐẠI BIỂU MỜI

1. ĐHĐCĐ đã lắng nghe các ý kiến tham gia của các Cổ đông, Đại diện Cổ đông dự họp và giải đáp của HĐQT PLC.

**Cổ đông mã UQ007 sở hữu 64.189CP:** Đề nghị HĐQT thông báo sơ qua kết quả kinh doanh Q1/2018, triển vọng kinh doanh các ngành hàng. Cơ cấu tài chính 2016 dự kiến sẽ phát hành cổ phiếu tăng vốn để cơ cấu lại các khoản nợ, PLC không thực hiện trong 2017 thì có phát hành trong 2018 không?

**Cổ đông mã CNI640 sở hữu 8.400CP:** Năm 2017 và 2018 giá dầu thô tăng nhiều, gấp đôi so với mức thấp nhất. Nguyên liệu đầu vào của PLC tăng, giá sẽ không tăng tương ứng. Giải thích rõ hơn về việc tăng lợi nhuận? cơ sở nào để tăng? Màng ND có ảnh hưởng lớn vào đầu tư công của VN, đề nghị dự báo kết quả kinh doanh ND các năm 2018 và 2019 hoạt động này có khởi sắc không?

**Cổ đông mã CN1248 sở hữu 10.000 CP** Theo kinh nghiệm quản lý thì năm 2018 có khả năng vượt kế hoạch không?

**Cổ đông mã CN1212 sở hữu 1 CP** Trong các dự án cao tốc thì thông thường sử dụng loại bê tông nhựa nào, cao tốc Bắc Nam sử dụng loại nào, PLC cung cấp được bao nhiêu km cho dự án này? Đề nghị ước tính doanh thu từ dự án này. Giai đoạn nào thì PLC đạt được điểm rơi về doanh thu ND cho dự án cao tốc Bắc Nam.

**Cổ đông mã UQ015 sở hữu 569.300 CP** Đề nghị chi tiết các dự án đầu tư? Màng trọng yếu là gì? Các nhà máy NĐ đã được xây dựng xong trong năm 2017 và 2018, tác động đến kinh doanh những năm tiếp theo như thế nào? Kế hoạch kinh doanh NĐ trong những năm tiếp theo?

**Cổ đông mã UQ017 sở hữu 755.264 CP** Màng DMN có doanh thu và lợi nhuận giảm liên tục mà PLC vẫn đầu tư thêm kho và nhà máy, lý do tại sao? Chiến lược phát triển đối với từng nhóm sản phẩm DMN như thế nào?

**Cổ đông mã UQ009 sở hữu 3.755 CP** Chính sách nhập khẩu dầu gốc và nguyên liệu của PLC? NĐ có biên lợi nhuận cao nhất là polime thì cơ cấu sản phẩm này ntn?

**Cổ đông mã CN1640 sở hữu 8.400CP** NĐ thị phần hơn 30%, đứng thứ mấy. DMN thị phần bao nhiêu, đứng thứ mấy.

**Cổ đông mã UQ019 sở hữu 2.063.427 CP** Chi tiết sản lượng từng nhóm sản phẩm DMN là bao nhiêu, mức độ tăng trưởng từng nhóm và đóng góp lợi nhuận chính từ mảng nào.

### **Giải trình của HĐQT**

#### **Ông Nguyễn Văn Đức - UV HĐQT – Tổng giám đốc**

- Giá dầu thô tăng nên NVL đầu vào tăng, tuy nhiên giá dầu gốc, phụ gia diễn biến khác nhau. Giá bán không thể tăng tương xứng với nguyên liệu nên cũng ảnh hưởng đến lợi nhuận năm 2017. Lợi nhuận sụt giảm ngoài do giá đầu vào tăng còn do sụt giảm xuất khẩu. Dầu công nghiệp cũng có giảm.

- SXKD và lĩnh vực đầu tư: Cty PLC là doanh nghiệp duy nhất có 2 nhà máy sx DMN. NM Thượng Lý thực hiện duy tu bảo quản, NM Đình Vũ đang đầu tư ở giai đoạn 1; dầu gốc phải nhập khẩu 100%, thị trường nhập khẩu từ Singapore, Nhật Bản, Hàn quốc, ... PLC chọn tiêu chuẩn của Mỹ nên sản phẩm đầu vào cũng kén chọn NCC,

- Tổng giá trị đầu tư hợp nhất là tổng chung của cả 3 ngành hàng.

- Cơ cấu dầu nhờn ô tô, xe máy: thị trường vừa phát triển gia tăng số lượng xe máy và đây là mảng chính của cty PLC. Hiệu quả kinh doanh cao do sx những sp cao cấp.

- Kết quả kinhKD Quý 1 về lĩnh vực DMN: SL đạt trên 70% KH Q1, KH lợi nhuận đạt 22% bình quân KH 2018.

#### **Ông Phạm Bá Nhuận- Chủ tịch HĐQT**

- Đầu tư năm 2018 chủ yếu tập trung vào ngành hàng NĐ và HC. NM Đình Vũ thực chất là kho để nhập được dầu gốc do khó khăn về nhập tàu ngoại ở Thượng Lý, chỉ tàu 3000 tấn vào được cầu cảng. Cty Nhựa đường đang đầu tư kho nhựa đường Cam Ranh. Để đón đầu DA Bắc Nam và Tây Nguyên. Các năm giữa nhiệm kỳ của chính phủ, giải ngân còn chậm, thường dồn các dự án đầu tư công vào năm cuối nhiệm kỳ.

- KQKD Q1, Tcty chưa hoàn thành kh quý theo tiến độ NĐ bán nhiều vào Q 2 và Q4. Hy vọng năm 2018 lợi nhuận KH đặt ra tương đối sát với thị trường và cũng thực hiện theo chỉ đạo của CĐ chi phối tuy nhiên khả năng thực hiện là rất khó, trong KH 236 tỷ thì HC là 20 tỷ, NĐ 20 tỷ, còn lại là DMN. Chúng tôi hy vọng rằng quan điểm đầu tư BOT được thông qua và có giải ngân của chính phủ sẽ. Quan điểm là xây dựng tương đối sát với thực tiễn và cơ hội đến thì TCT không bỏ qua.

#### **Ông Vũ Văn Chiến. – UV HĐQT – Chủ tịch kiêm Giám đốc Cty Nhựa đường**

Triển vọng KD NĐ: 2017 có 8 đơn vị kinh doanh NĐ đều lỗ, 2 Cty phá sản là Stone và Minh Đạt đang rao bán, PLC có lãi ít và vẫn trên 30% thị phần. Petrolimex đầu tư đồng bộ, có 7 nhà máy trải dài trên toàn quốc, hiện đại, tạo ưu thế cạnh tranh vì giảm thời gian và chi phí vận tải. Kinh doanh NĐ khắc nghiệt, tính mùa vụ cao về thời gian trong năm cũng như mùa vụ theo chính sách.

Giá dầu càng tăng càng có cơ hội tăng thuận lợi trong kinh doanh NĐ. PLC có cơ sở tốt, tồn kho tốt nên có lợi tồn kho.

Khả năng hoàn thành kế hoạch: sẽ hoàn thành KH NĐ vì XD KH thận trọng.

Về xây dựng đường bộ VN là theo tiêu chuẩn của Mỹ. PLC có ưu thế về chất lượng và giá đối với đối thủ trong các sản phẩm tiêu chuẩn cao. Cao tốc đều sử dụng polime và các sản phẩm công nghệ cao. PLC đang đáp ứng tốt và cạnh tranh. Sắp tới thị trường sử dụng nhiều nhũ tương trong cao tốc và sân bay. PLC làm chủ công nghệ và đáp ứng tốt các nhu cầu, không phải mua bản quyền.

KH XD đường cao tốc Bắc Nam hiện nay chưa có vốn để thực hiện, khả năng đến 2020 chưa xong vì NH không tài trợ.

Hiện nay, PLC đang xuất bán sang Lào, Campuchia các sản phẩm cao cấp, có chất lượng và giá cạnh tranh với Thái Lan. Bán mạnh nhất cho dự án Hạ Long Vân Đồn nhũ tương, Đà Nẵng – Quảng Ngãi, La Sơn Tuy Loan. Bắc Giang – Lạng Sơn đang bị tắc về vốn.

Nhũ Tương là sản phẩm chủ lực cao tốc có đà tăng trưởng tốt và PLC có ưu thế về công nghệ.

**Ông Phạm Bá Nhuân- Chủ tịch HĐQT :**

Về tăng vốn: PLC đã báo cáo cổ đông chi phối. đang chờ ý kiến trả lời của PLX.

PLC thị phần hơn 30% NĐ và đứng số 1. Thị phần tăng nhưng tổng sản lượng giảm nên sl NĐ của PLC giảm.

Thị phần DMN : số 1 là BP Castrol, số 2 nhiều người nói là PLX hoặc Shell.

KH 2018 DMN tăng trưởng 6,7%, không nhiều do không còn mảng pha chế thuê và xuất khẩu DMN hàng hải.

## **2. ĐHĐCĐ vinh dự được lắng nghe ý kiến tham gia của ông Phạm Đức Thắng-UV HĐQT – Tổng giám đốc Tập đoàn xăng dầu Việt Nam.**

PLC là 1 trong 5 lĩnh vực cốt lõi của PLX xoay quanh trục kinh doanh chính là xăng dầu nhiên liệu. PLC đã trải qua gần 25 năm xây dựng và trưởng thành, đã xây dựng được thương hiệu và xác lập được vị thế trên thị trường.

Kết quả 2017, PLC đã đảm bảo kinh doanh an toàn và duy trì chiếm lĩnh được thị trường trên cả 3 lĩnh vực, khẳng định qua các chỉ tiêu kinh doanh đã đạt được.

PLX có lợi thế hơn cổ đông nhỏ là được tiếp cận thông tin sớm và đặt các áp lực mục tiêu cho ban quản lý trước khi trình ĐHĐCĐ về thực hiện và triển khai KH 2018.

PLC hiện nay còn nhiều bất cập, nhiều nguồn lực còn chưa tận dụng, sử dụng hiệu quả. Năm 2018 dự báo còn nhiều khó khăn. DMN càng hội nhập vì thuế càng thấp đi, nhiều DN sẽ nhập khẩu và đầu tư xây dựng NM DMN tại VN. NĐ cũng gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng chính sách đầu tư công. Đây là tất yếu của kinh tế thị trường, cần phải chấp nhận khó khăn. Kết quả kinh doanh đạt được thấp, ngoài yếu tố khách quan thì cũng có nhiều yếu tố chủ quan. Lợi nhuận giảm cũng cần được phân tích nguyên nhân khách quan và chủ quan. Trong đó, có sản

lượng giảm, mà ngành hàng DMN phụ thuộc nhiều vào PLX. Đây là dấu hiệu không tốt. Cần giảm tỷ lệ nhưng phải giữ và tăng sản lượng tuyệt đối xuất bán qua PLX.

Quản trị DN cũng có nhiều bất cập. CĐ chi phối cũng hẹp và đặt vấn đề với PLC để kiện toàn lại về tổ chức. Mặc dù để đầu năm 2019, HĐQT và BKS sẽ hết nhiệm kỳ, nhưng PLC vẫn phải bắt buộc bổ sung nhân sự và bầu bổ sung TV HĐQT trong ĐHĐCĐ hôm nay để cơ cấu lại tổ chức. Vì kiện toàn tổ chức là khâu cốt lõi trong cải cách, đổi mới quản trị doanh nghiệp. BKS đại diện cho cổ đông, giám sát các ý kiến của CĐ để triển khai. Môi trường kinh doanh luôn thay đổi buộc PLC phải thay đổi theo.

Thay đổi quan trọng nhất để đổi mới là thay đổi về cơ chế kinh doanh. Ví dụ như công ty KVI vẫn đang đề xuất cho thử nghiệm bán DMN của nhiều thương hiệu khác nhau (mà PLX đều là đối tác chiến lược hoặc tham gia liên doanh). Do vậy, PLC cần đổi mới cơ chế kinh doanh, đáp ứng được yêu cầu của nhà phân phối.

Công tác đổi mới quản trị: Để đổi mới, PLX đã thuê KPMG tư vấn quản trị. Trong đó cần chú trọng đến quản trị rủi ro, qua đó kiểm soát tốt cả quá trình từ sản xuất đến kinh doanh và khâu logistic.

Tổ chức kinh doanh và sản xuất: cần tiếp tục nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới, đặc biệt là ngành NĐ đã đứng đầu, cần có thay đổi sản phẩm để kinh doanh tốt. PLC có hơn 20 năm kinh nghiệm nhưng cũng cần có tư vấn trong những lĩnh vực quản lý sản xuất kinh doanh để hoàn thành tốt hơn.

## PHẦN THỨ TƯ

### BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HĐQT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN NHIỆM KỲ 2014-2018

Việc bầu cử bổ sung thành viên HĐQT và Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2014-2018 được tiến hành theo thể lệ Bầu cử mà ĐHĐCĐ đã thống nhất thông qua. Chi tiết theo Biên bản bầu cử đính kèm. Với các nội dung chính sau:

- 1. Thể lệ bầu cử bổ sung Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên Tổng công ty PLC nhiệm kỳ 2014 - 2018** (đính kèm) được Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ là **100%** sau khi ĐHĐCĐ thống nhất thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động và Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Theo đó, số thành viên HĐQT cần bầu bổ sung là 2 thành viên và số KSV cần bầu bổ sung là 2 kiểm soát viên.  
Thể lệ bầu cử được thông qua quy định nguyên tắc bầu Thành viên HĐQT và Kiểm soát viên được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu và bỏ phiếu kín tại Đại hội.
- 2. Số lượng các ứng viên được đề cử/ứng cử là thành viên HĐQT và Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2014-2018:**
  - Số lượng các ứng viên được đề cử/ứng cử vào HĐQT nhiệm kỳ 2014-2018 là 02 ứng viên, gồm các Ông/Bà sau:
    - + Ông Đỗ Hữu Tạo – do Tập đoàn xăng dầu Việt Nam đề cử và là Người đại diện quản lý phần vốn của Tập đoàn.
    - + Ông Nguyễn Hà Trung- do HĐQT PLC đề cử theo quy định của Luật DN và Điều lệ PLC.

- Số lượng các ứng viên được đề cử/ứng cử là Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2014-2018 là 2 ứng viên, gồm Ông/Bà sau:

+ Ông Đoàn Hồng Sáng - do Tập đoàn xăng dầu Việt Nam đề cử và là Người đại diện quản lý phần vốn của Tập đoàn.

+ Ông Phạm Tuấn Phương - do HĐQT PLC đề cử theo quy định của Luật DN và Điều lệ PLC.

**3. ĐHĐCĐ tiến hành bầu cử bổ sung các thành viên HĐQT và Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2014-2018:**

- ĐHĐCĐ đã thống nhất với đề xuất của Chủ tọa Đại hội về danh sách Ban kiểm phiếu bầu cử.

- Việc bầu cử được tiến hành theo đúng thể lệ bầu cử mà ĐHĐCĐ đã thông qua.

- Việc kiểm số lượng phiếu bầu cử các thành viên HĐQT và Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2014-2018 được Ban kiểm phiếu bầu cử đếm trước sự chứng kiến của các cổ đông/đại diện cổ đông dự Đại hội, trước khi mang đi kiểm phiếu. (Biên bản kiểm phiếu đính kèm)

**3. ĐHĐCĐ tiến hành bầu cử bổ sung các thành viên HĐQT và Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2014-2018:**

- ĐHĐCĐ đã thống nhất với đề xuất của Chủ tọa Đại hội về danh sách Ban kiểm phiếu bầu cử.

- Việc bầu cử được tiến hành theo đúng thể lệ bầu cử mà ĐHĐCĐ đã thông qua.

- Số lượng phiếu bầu cử các thành viên HĐQT và Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2014-2018 được Ban kiểm phiếu bầu cử đếm trước sự chứng kiến của các cổ đông/đại diện cổ đông dự Đại hội, trước khi mang đi kiểm phiếu. (Biên bản kiểm phiếu đính kèm)

**4. Kết quả bầu cử bổ sung các thành viên HĐQT PLC, nhiệm kỳ 2014-2018, như sau:**

- Ông Đỗ Hữu Tạo - được bầu **68.733.242** phiếu, tương ứng 98,71% phiếu bầu

- Ông Nguyễn Hà Trung - được bầu **69.076.404** phiếu, tương ứng 99,20% phiếu bầu

Theo Thể lệ bầu cử, các ông có tên sau đã trúng cử vào HĐQT PLC nhiệm kỳ 2014-2018:

+ Ông Đỗ Hữu Tạo - Thành viên HĐQT

+ Ông Nguyễn Hà Trung - Thành viên HĐQT

**5. Kết quả bầu cử bổ sung các Kiểm soát viên Tổng công ty nhiệm kỳ 2014-2018, như sau:**

- Ông Đoàn Hồng Sáng - được bầu **66.570.566** phiếu, tương ứng 95,62% phiếu bầu

- Ông Phạm Tuấn Phương - được bầu **71.109.822** phiếu, tương ứng 102,14 % phiếu bầu

Theo Thể lệ bầu cử, ông/bà có tên trên đã trúng cử Kiểm soát viên PLC nhiệm kỳ 2014-2018:

+ Ông Đoàn Hồng Sáng - Kiểm soát viên PLC

+ Ông Phạm Tuấn Phương - Kiểm soát viên PLC.



**PHẦN THỨ NĂM**  
**CÁC THỦ TỤC KẾT THÚC ĐHĐCĐ**

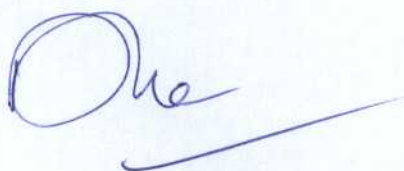
1. **Thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ:** Bà Trần Diễm Hồng thay mặt Ban Thư ký đọc dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ. Đại hội đã tham gia ý kiến và nhất trí thông qua với 71.252.849 điểm, đạt tỷ lệ **100 %** tổng số điểm của các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại thời điểm thông qua các dự thảo trên.
2. **Tổng kết Đại hội :** Ông **Phạm Bá Nhuân** thay mặt Đoàn Chủ tịch phát biểu tổng kết Đại hội. ĐHĐCĐ thường niên 2018 đã nhất trí giao cho :
  - HĐQT PLC chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị Quyết ĐHĐCĐ và các nội dung, tài liệu đã được ĐHĐCĐ thường niên 2018 biểu quyết thông qua, theo đúng quy định hiện hành của Điều lệ PLC và Pháp luật;
  - BKS PLC kiểm soát việc chấp hành Nghị quyết ĐHĐCĐ và các nội dung, tài liệu đã được ĐHĐCĐ thường niên 2018 biểu quyết thông qua theo đúng quy định hiện hành của Điều lệ PLC và Pháp luật.

Đại hội bế mạc lúc 11h45 cùng ngày.


**ĐOÀN CHỦ TỊCH ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2018 TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCI**

**TV. ĐOÀN CHỦ TỊCH**

**CHỦ TỌA**



**Ông Nguyễn Văn Đức**

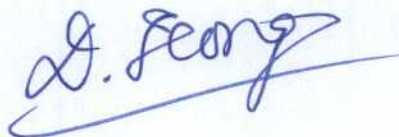


**Ông Phạm Bá Nhuân**

**BAN THƯ KÝ ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2018 TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP**



**Ông Nguyễn Văn Ngọc**



**Bà Trần Diễm Hồng**



**Bà Trần Thanh Thúy**

Số:

01 /NQ-PLC-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày

18/4/2018



**NGHỊ QUYẾT**  
Đại Hội đồng cổ đông thường niên 2018  
Tổng công ty Hóa Dầu Petrokimex-CTCP

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13, thông qua ngày 26/11/2014 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2015;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH 11 được Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 9, thông qua ngày 29/6/2006, có hiệu lực từ ngày 01/01/2007 và các văn bản Pháp luật khác về Chứng khoán, Thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Tổng công ty Hóa Dầu Petrokimex-CTCP;
- Căn cứ nội dung Chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên 2018 Tổng công ty Hóa dầu Petrokimex-CTCP ngày 18/4/2018;
- Căn cứ Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên 2018 Tổng công ty Hóa dầu Petrokimex-CTCP ngày 18/4/2018,

**QUYẾT NGHỊ :**

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 Tổng công ty Hóa dầu Petrokimex-CTCP (PLC) nhất trí thông qua :

1. Báo cáo của Ban Kiểm soát PLC năm 2017 (chi tiết đính kèm);
2. Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của PLC (Chi tiết đính kèm);
3. Báo cáo của HĐQT PLC năm 2017 (chi tiết đính kèm);
4. Báo cáo Quyết toán QTL và thù lao của các Thành viên HĐQT và các Thành viên BKS PLC năm 2017 :
  - Tổng tiền thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của HĐQT là : **1.450.375.048 đồng**
  - Tổng tiền thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của BKS là : **740.570.997 đồng**
5. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017, với một số chỉ tiêu cơ bản sau :

TT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Lợi nhuận thực hiện 2017	215.077.044.021

2	Thuế TNDN	43.676.177.907
3	Lợi nhuận sau thuế	171.913.686.562
4	Chia cổ tức	161.595.132.000
5	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	9.678.334.590
6	Quỹ thưởng BQL điều hành Tổng công ty	640.219.972

**6. Kế hoạch SXKD năm 2018 của PLC (chi tiết đính kèm)** với một số chỉ tiêu cơ bản sau :

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2017	KẾ HOẠCH NĂM 2018	KH 2018/TH 2017
1	Sản lượng	Tấn; m3	340.970	359.280	105%
2	Doanh thu thuần	Triệu đ	5.046.459	5.530.871	110%
3	Tổng LN trước thuế	Triệu đ	215.077	236.814	110%
4	Tổng LN sau thuế	Triệu đ	171.401	189.452	111%
5	Tỷ suất LNST/VCSH	%	12,87%	14,04%	
6	Tỷ suất LNST/VĐL	%	21,21%	23,45%	
7	Tỷ lệ chia cổ tức	%	20%	Tối thiểu 80% lợi nhuận sau thuế	

**7. Phương án trả thù lao cho các Thành viên HĐQT và các Thành viên BKS PLC năm 2018 :**

- Tổng QTL và thù lao của HĐQT năm 2018 tối đa được hưởng là: **2,382 tỷ đồng.**
- Tổng QTL và thù lao của BKS năm 2018 tối đa được hưởng là: **1,678 tỷ đồng.**

**8. Lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính PLC năm 2018:** Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty lựa chọn một trong những đơn vị dưới đây thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Tổng công ty, đó là :

- Công ty TNHH KPMG Việt Nam (KPMG)
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Deloitte)
- Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam
- Công ty TNHH PWC Việt Nam

**9. Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty (chi tiết đính kèm).**

**10. Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (chi tiết đính kèm).**

**11. Danh sách trúng cử bổ sung Thành viên HĐQT PLC nhiệm kỳ 2014-2018, gồm có:**

- Ông Đỗ Hữu Tạo
- Ông Nguyễn Hà Trung

**12. Danh sách trúng cử bổ sung Kiểm soát viên PLC nhiệm kỳ 2014-2018, gồm có:**

- Ông Đoàn Hồng Sáng
- Ông Phạm Tuấn Phương

Ban kiểm soát đã họp và thống nhất bầu ông Đoàn Hồng Sáng làm Trưởng ban kiểm soát Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP kể từ ngày 18/04/2018.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 18-4-2018.

**CHỦ TỌA**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018**  
**TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP**

**Nơi nhận :**

- UBCKNN (thay b/c);
- Sở GD&ĐT Hà Nội (công bố TT);
- TT Lưu ký CKVN (công bố TT);
- Công bố thông tin trên Website PLC;
- HĐQT TCTXDVN (thay b/c);
- Các TV. HĐQT PLC (để chỉ đạo T/h);
- Các TV. BKS PLC (để kiểm soát);
- Ban TGD PLC (để tổ chức T/h);
- CT kiêm GD Cty NĐ (để tổ chức T/h);
- CT kiêm GD Cty HC (để tổ chức T/h);
- Lưu VT, HĐQT PLC.


**PHẠM BÁ NHUÂN**



Hà nội, ngày 18 tháng 04 năm 2018

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT**  
**Trình Đại hội Cổ đông thường niên năm 2018****Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định, Ban kiểm soát Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex kính trình Đại hội Đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2018 Báo cáo của Ban kiểm soát gồm những nội dung chính sau:

**PHẦN I**  
**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017**  
**VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2018****I. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017****1. Tổ chức, nhân sự Ban kiểm soát (BKS)**

Trong 10 tháng đầu năm 2017, BKS hoạt động với 3 thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex. Từ ngày 01/11/2017, Bà Trần Thị Minh Hà, Trưởng Ban kiểm soát nghỉ hưu theo chế độ và Ban kiểm soát đã bầu Ông Tống Văn Hải, thành viên Ban kiểm soát giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty.

**2. Triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát**

Trên cơ sở tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ của Tổng công ty và Quy chế hoạt động của BKS, trong năm 2017, BKS đã tích cực, chủ động phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Tổng công ty; Chủ tịch kiêm giám đốc và Kiểm soát viên các công ty con để triển khai công việc theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Một số hoạt động cụ thể:

- Tham gia tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Tổng công ty,
- Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017; tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT,
- Tham gia thảo luận, giám sát việc xây dựng Kế hoạch SXKD, Kế hoạch cân đối vốn, kế hoạch lao động tiền lương năm 2017...,
- Thông qua kiểm toán độc lập để soát xét, thẩm định Báo cáo tài chính định kỳ,
- Tham gia thảo luận, góp ý trong quá trình xây dựng, sửa đổi các quy chế, quy định quản lý, quản trị công ty,

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT và đưa ra những ý kiến độc lập, khách quan trong phạm vi quyền hạn của BKS,

- Phối hợp cùng các Ban giúp việc HĐQT, thông qua kiểm soát viên công ty con tiến hành kiểm tra, kiểm soát quy chế, quy định, quy trình quản lý tại Kho Nhựa đường Nhà Bè thuộc Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex nhằm nâng cao khả năng quản trị và cảnh báo rủi ro.

- Thực hiện các công việc khác có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty...

Trong năm 2017, BKS đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy định, đảm bảo dân chủ, minh bạch. Ngoài ra, các thành viên BKS thường xuyên trao đổi thông tin thông qua Email, điện thoại đối với những công việc liên quan đến hoạt động của đơn vị cần có ý kiến của BKS.

*Đánh giá chung:* Trong năm 2017, BKS đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao một cách khách quan, trung thực trên cơ sở tuân thủ Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế hoạt động của BKS và quy định của Pháp luật. Trong điều kiện phạm vi hoạt động rộng, tính chất phức tạp theo đặc thù của từng ngành hàng và có nhiều rủi ro tiềm ẩn, BKS nhận thấy công tác kiểm tra giám sát cần được duy trì thường xuyên và thực hiện đồng bộ ở tất cả các cấp từ HĐQT, Ban điều hành và các bộ phận có liên quan.

### **2. Hoạt động của từng Kiểm soát viên năm 2017**

Năm 2017, nhìn chung từng Kiểm soát viên đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ được Ban kiểm soát phân công đảm bảo khách quan, trung thực trên cơ sở tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Mỗi kiểm soát viên đều phát huy được thế mạnh của từng cá nhân, phối hợp tốt với các đơn vị, các phòng/ban của Tổng công ty cũng như các công ty thành viên trong quá trình triển khai công việc được giao.

### **3. Thù lao của Ban kiểm soát**

Lương, thù lao của Ban kiểm soát năm 2017 thực hiện theo phương án được ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-PLC-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2017. Theo đó, Tổng lương và thù lao của Ban kiểm soát năm 2017 là 740.570.997 đồng.

## **II. Phương hướng hoạt động năm 2018.**

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tình hình nhân sự và các điều kiện thực tế, trong năm 2018, Ban kiểm soát tập trung thực hiện một số công việc trọng tâm sau:

1. Cùng với HĐQT Tổng công ty, báo cáo trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 phương án kiện toàn bộ máy tổ chức của BKS.

2. Cùng với HĐQT Tổng công ty tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2018; chuẩn bị tài liệu báo cáo theo quy định.

3. Sửa đổi quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; Xây dựng và tổ chức triển khai thành công kế hoạch hoạt động năm 2018.

4. Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết, quyết định của HĐQT Tổng công ty.

5. Tham gia các cuộc họp của HĐQT để có ý kiến tham gia, góp ý kịp thời trong phạm vi, quyền hạn của BKS.

6. Thực hiện công việc định kỳ hoặc đột xuất liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của BKS như: thẩm định báo cáo tài chính; tham gia xây dựng kế hoạch SXKD năm 2018; tham gia rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định, quy trình quản lý, định mức kinh tế kỹ thuật....

## PHẦN II

### KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH, GIÁM SÁT HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

#### I. Báo cáo kiểm soát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017

##### 1. Đặc điểm, tình hình chung

**Ngành hàng Dầu mỡ Nờn (DMN):** Tình hình giá dầu thô thế giới liên tục biến động gây khó khăn trong việc dự báo giá nguyên liệu đầu vào. Tình hình thời tiết không thuận lợi, việc sản xuất và kinh doanh của các ngành kinh tế lớn như than, khoáng sản, thép, xi măng, mía đường, xây dựng công trình giao thông... gặp nhiều khó khăn nên nhu cầu mua và sử dụng DMN tại các đơn vị này giảm sút đã làm ảnh hưởng đến nhu cầu chung về DMN. Kinh doanh DMN của Tổng công tiếp tục gặp phải sự cạnh tranh quyết liệt từ các công ty lớn như Castrol BP, Total, Shell, Caltex, Nippon Oil, Idemitsu,... Các công ty này đã và đang tăng cường khuyến mại, hỗ trợ bán hàng tạo ra sự cạnh tranh trực tiếp đối với hệ thống phân phối DMN của Tổng công ty.

**Ngành hàng Nhựa đường:** Nguồn vốn của các dự án giao thông phần lớn dựa vào vốn ODA, ngân sách nhà nước, xã hội hóa như BT, BOT... Các dự án này phụ thuộc nhiều vào kế hoạch, chính sách của Nhà nước trong từng giai đoạn. Năm 2017 giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản chậm (chỉ đạt 36% dự toán, cùng kỳ 2016 bằng 42% dự toán). Một số dự án có kế hoạch triển khai từ năm 2017 - 2019 nhưng đa số mới đang ở giai đoạn làm nền và dự kiến từ năm 2018 mới có nhu cầu nhựa đường. Cạnh tranh về cung cấp sản phẩm nhựa đường ở thị trường ngày càng gay gắt, một số nhà cung cấp nhựa đường đã triển khai xây dựng kho bãi với công suất lớn ở Quy Nhơn, Cam Ranh, Chân Mây, Đình Vũ - Hải Phòng...

**Ngành hàng Hóa chất:** Trong hầu hết thời gian của năm 2017 giá dung môi, hóa chất biến động khó lường đã khiến công tác đánh giá, nhận định thị trường gặp rất nhiều khó khăn. Tổng cầu toàn ngành chưa cao. Mặc dù vẫn nằm trong top dẫn đầu ngành nhưng Công ty luôn gặp phải sự cạnh tranh khốc liệt từ các đối thủ với tiềm lực tài chính lớn hoặc được hỗ trợ từ công ty mẹ ở nước ngoài.... Tuy nhiên, cùng với sự nỗ lực chung, trong năm 2017 lĩnh vực kinh doanh hóa chất đã có sự tăng trưởng về sản lượng bán, hoàn thành KH lợi nhuận, đây là những kết quả rất đáng khích lệ.

##### 2. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD và tình hình tài chính năm 2017

Trên cơ sở báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31/12/2017; Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính do Công ty TNHH KPMG phát hành ngày 23/03/2018,

Theo ý kiến của Kiểm toán viên, BCTC hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban kiểm soát trình và báo cáo Đại hội một số nội dung sau:

### 2.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch hợp nhất năm 2017

Đơn vị tính: Tỉn, m3/triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Số thực hiện năm 2017 với	
					Năm 2016	KH 2017
1	Tổng sản lượng tiêu thụ	344.064	367.941	340.971	99,10%	92,67%
2	Tổng doanh thu thuần	4.804.729	5.770.302	5.046.459	105,03%	87,46%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	256.653	300.006	215.077	83,80%	71,69%
4	Tổng lợi nhuận sau thuế	204.824	240.005	171.401	83,68%	71,42%
5	Tỷ suất LNST/VCSH	16,18%	17,57%	12,87%	79,55%	73,25%
6	Tỷ suất LNST/VĐL	25,35%	29,70%	21,21%	83,68%	71,43%
7	Tỷ lệ cổ tức	20%	20%	20%	100%	100%

Năm 2017 là một năm thực sự khó khăn đối với Tổng công ty trong cả 3 ngành hàng, đặc biệt là ngành hàng DMN và Nhựa đường. Nhiều chỉ tiêu không đạt Kế hoạch đã được ĐHCĐ thường niên năm 2017 giao, như các chỉ tiêu: Sản lượng, Lợi nhuận, Tỷ suất LNST/VCSH...

Một trong những yếu tố ảnh hưởng lớn và trực tiếp làm cho kết quả SXKD của Tổng công ty không hoàn thành được kế hoạch được ĐHCĐ 2017 giao là sự cạnh tranh trong lĩnh vực DMN và sự sụt giảm nhu cầu trong lĩnh vực nhựa đường làm cho sản lượng không đạt được kế hoạch đề ra và tỷ lệ lãi gộp không đạt được như kỳ vọng.

### 2.2. Tình hình tài sản, nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2017

Đơn vị tính: triệu đồng

TÀI SẢN	Số cuối kỳ (31/12/2017)		Số đầu năm (01/01/2017)	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
<b>I. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>2.983.179</b>	<b>76,9%</b>	<b>2.556.269</b>	<b>75,8%</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	564.862	18,9%	605.918	23,7%
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	43.851	1,5%	0	0,0%
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	1.566.184	52,5%	1.191.170	46,6%



* Dự phòng phải thu khó đòi	(187.717)		(189.343)	
4. Hàng tồn kho	776.730	26,0%	733.381	28,7%
* Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	0		0	
5. Tài sản ngắn hạn khác	31.552	1,1%	25.801	1,0%
<b>II. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>897.559</b>	<b>23,1%</b>	<b>814.708</b>	<b>24,2%</b>
1. Các khoản phải thu dài hạn	3.865	0,4%	3.825	0,5%
2. Tài sản cố định ròng	508.838	56,7%	499.884	61,4%
3. Bất động sản đầu tư	3.235	0,4%	0	
4. Tài sản dở dang dài hạn	152.870	17,0%	80.640	9,9%
5. Đầu tư tài chính dài hạn	63.233	7,0%	67.080	8,2%
6. Tài sản dài hạn khác	165.519	18,4%	163.280	20,0%
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>3.880.738</b>	<b>100%</b>	<b>3.370.977</b>	<b>100%</b>
<b>I. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>2.537.043</b>	<b>65,4%</b>	<b>2.019.622</b>	<b>59,9%</b>
1. Nợ ngắn hạn	2.462.290	97,1%	1.978.198	97,9%
2. Nợ dài hạn	74.754	2,9%	41.424	2,1%
<b>II. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>1.343.695</b>	<b>34,6%</b>	<b>1.351.355</b>	<b>40,1%</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	807.988	60,1%	807.988	59,8%
2. Thặng dư vốn cổ phần	3.561	0,3%	3.561	0,3%
3. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	359.176	26,7%	319.902	23,7%
4. Lợi nhuận chưa phân phối	172.969	12,9%	219.903	16,3%
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>3.880.738</b>	<b>100%</b>	<b>3.370.977</b>	<b>100%</b>

➤ Tình hình tài sản thời điểm 31/12/2017: Tổng tài sản của Tổng công ty là 3.881 tỷ đồng tăng 510 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm. Trong đó, tài sản ngắn hạn tăng 427 tỷ đồng và chủ yếu là tăng các khoản phải thu ngắn hạn; tài sản dài hạn tăng 83 tỷ đồng và chủ yếu là tăng chi phí xây dựng cơ bản dở dang do các dự án lớn của Tổng công ty đang trong giai đoạn triển khai.

➤ Tình hình nguồn vốn thời điểm 31/12/2017: Tổng nguồn vốn của Tổng Công ty tăng 510 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm. Trong đó Nợ phải trả tăng 517 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu giảm 7 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu giảm là do lợi nhuận thực hiện trong năm 2017 giảm so với 2016. Nợ phải trả chiếm 65% trên tổng nguồn vốn tăng 5% so với cùng kỳ 2016 và Hệ số nợ phải trả so với vốn chủ sở hữu gần 1,9 lần.

### 2.3. Một số chỉ tiêu đánh giá

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu khả năng thanh toán</b>			
1	Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,29	1,21
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,92	0,90
<b>II</b>	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
1	Hệ số nợ / Tổng TS	Lần	0,60	0,65

2	Hệ số nợ / Vốn CSH	Lần	1,49	1,89
<b>III</b>	<b>Chỉ tiêu khả năng sinh lời</b>			
1	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu	%	4,26%	3,40%
2	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Vốn CSH bq (ROE)	%	16,18%	12,87%
3	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Vốn điều lệ bq	%	25,35%	21,21%
4	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bq (ROA)	%	6,23%	4,61%

Từ những chỉ số trên cho thấy, năm 2017 Tổng công ty đã sử dụng nợ nhiều hơn 2016 để tài trợ cho nhu cầu vốn. ROE thấp hơn 2016 chủ yếu do vòng quay tổng tài sản và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu giảm.

### 3. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp

- Tổng công ty đầu tư 66 tỷ đồng vào Công ty CP Vận tải Hóa dầu VP (Công Ty VP) với tỷ lệ góp vốn là 43,78%.

- Năm 2017, Công Ty VP lỗ 7,9 tỷ đồng, Công ty mẹ đã trích dự phòng cho khoản lỗ này là 2,7 tỷ đồng.

### 4. Công tác đầu tư năm 2017.

*DVT: triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	So thực hiện năm 2017 với	
					Năm 2016	KH 2017
1	Đầu tư mới trong năm	107.304	320.595	222.744	208%	69%
2	Sửa chữa lớn	22.279	46.967	35.347	159%	75%
3	Đầu tư ra ngoài doanh nghiệp	0	0	0		
	<b>Tổng cộng</b>	<b>129.583</b>	<b>367.562</b>	<b>258.091</b>	<b>199%</b>	<b>70%</b>

Tổng giá trị đầu tư trong năm 2017 toàn Tổng công ty đạt 70% kế hoạch và tăng cao so với 2016. Tổng công ty tiếp tục quán triệt nguyên tắc: tập trung đầu tư mới, cải tạo, mở rộng, sửa chữa cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ trực tiếp hoạt động SXKD của 3 ngành hàng nhằm nâng cao vị thế, năng lực cạnh tranh và không đầu tư ngoài ngành. Các dự án lớn đang được Tổng công ty triển khai gồm có: Nhà máy DMN Đình Vũ, Kho Hóa chất Đình Vũ, Kho Nhựa đường Cam Ranh...

## II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC.

### 1. Hoạt động của HĐQT

- Trong năm 2017, HĐQT đã triển khai thực hiện tích cực, kịp thời các nhiệm vụ được ĐHCĐ giao theo đúng định hướng và chiến lược của Tổng công ty.

- HĐQT đã tổ chức 09 phiên họp trực tiếp và 09 lần lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản. Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức nghiêm túc, thuận lợi cho các thành viên tham gia. Các thành viên HĐQT tham gia đã thảo luận thẳng thắn, có trách nhiệm đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- HĐQT đã ban hành 13 Nghị quyết theo thẩm quyền để quản lý và định hướng các hoạt động của Tổng công ty, đồng thời tổ chức công tác giám sát điều hành của Ban điều hành nhằm đảm bảo theo đúng kế hoạch, mục tiêu và chiến lược đề ra.

## **2. Hoạt động của Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý**

- BKS nhận thấy Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác nhìn chung đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình trên cơ sở tuân thủ các quy định của Tổng Công ty và của Pháp luật.

- Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác đã nghiêm túc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 và các Nghị quyết, quyết định của HĐQT.

## **3. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng giám đốc.**

- Việc phối hợp cũng như trao đổi thông tin giữa BKS với HĐQT và Ban Tổng giám đốc được duy trì thường xuyên thông qua hình thức trao đổi trực tiếp, thư điện tử (E-mail) và Văn bản.

- Trong năm 2017, BKS tham gia các cuộc họp của HĐQT và đưa ra những ý kiến đóng góp với HĐQT trong phạm vi chức năng, quyền hạn của BKS.

- HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã tích cực phối hợp và tạo điều kiện để BKS thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

## **III. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT**

1/ Trong điều kiện cạnh tranh ngày càng gay gắt; giá dầu và thị trường tài chính diễn biến khó lường... sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Tổng công ty. Vì vậy, Tổng công ty cần có giải pháp chủ động, linh hoạt để thực hiện thành công Kế hoạch SXKD năm 2018 được ĐHĐCĐ giao.

2/ Đẩy nhanh việc áp dụng sâu rộng công nghệ thông tin trong quản trị, điều hành nhằm nâng cao hiệu quả và phòng ngừa rủi ro.

3/ Tiếp tục đánh giá, rà soát các khoản mục chi phí cần tiết giảm; nâng cao vòng quay hàng tồn kho, vòng quay tài sản; tích cực đôn đốc và thu hồi công nợ phải thu khách hàng, đặc biệt là công nợ quá hạn, nợ khó đòi nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tài sản của Tổng công ty.

4/ Trong điều kiện phạm vi hoạt động của Tổng công ty rộng, phức tạp do đặc thù của từng ngành hàng và có nhiều rủi ro tiềm ẩn, Tổng công ty cần nâng cao năng lực quản trị; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong tất cả lĩnh vực hoạt động.

Trên đây là nội dung báo cáo của Ban kiểm soát Tổng công ty trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2018..

Trân trọng cảm ơn!

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT Tcty;
- Lưu BKS.

**BAN KIỂM SOÁT  
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX**

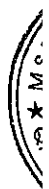


**TỔNG VĂN HẢI**



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2017**



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thông tin về Tổng công ty**

**Quyết định cổ phần hóa** Số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”) tên cũ là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương). Thời điểm bàn giao chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần là ngày 01 tháng 3 năm 2004.

**Giấy Chứng nhận  
Đăng ký Doanh nghiệp** Số 0101463614 ngày 16 tháng 8 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 2 năm 2004. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 16 tháng 8 năm 2016.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Phạm Bá Nhuận	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên
	Ông Nguyễn Văn Khánh	Thành viên
	Ông Vũ Văn Chiến	Thành viên
	Ông Hà Thanh Tuấn	Thành viên

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Văn Đức	Tổng Giám đốc
	Ông Lê Quang Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Ngô Đức Giang	Phó Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký** Tầng 18&19, số 229 Phố Tây Sơn  
Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa  
Hà Nội, Việt Nam

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam


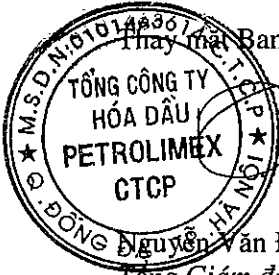
**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 46 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng Tổng công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc   
  
Nguyễn Văn Đức  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty phê duyệt phát hành ngày 23 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 46.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-02-155-KT-HN



Wang Tuấn Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2018

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0861-2018-007-1



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu B 01 - DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2017 VND</b>	<b>01/01/2017 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>2.983.178.841.054</b>	<b>2.556.268.617.270</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>564.861.713.102</b>	<b>605.917.594.464</b>
Tiền	111		190.861.713.102	183.867.799.464
Các khoản tương đương tiền	112		374.000.000.000	422.049.795.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>43.851.350.000</b>	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	43.851.350.000	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.566.184.002.298</b>	<b>1.191.169.714.476</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.666.222.449.880	1.196.762.078.199
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		73.138.430.615	164.813.568.320
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	14.539.810.234	18.725.232.997
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(187.716.688.431)	(189.342.525.522)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	211.360.482
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>776.729.529.665</b>	<b>733.380.600.929</b>
Hàng tồn kho	141		776.729.529.665	733.380.600.929
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>31.552.245.989</b>	<b>25.800.707.401</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.763.099.218	7.152.230.799
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		23.525.188.685	15.208.976.765
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	17	2.263.958.086	3.439.499.837

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 - DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>897.559.049.676</b>	<b>814.708.236.499</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.864.872.800</b>	<b>3.825.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		3.864.872.800	3.825.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>508.837.657.656</b>	<b>499.883.548.672</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	506.276.626.033	497.203.650.120
<i>Nguyên giá</i>	222		1.051.657.752.895	956.784.666.451
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(545.381.126.862)	(459.581.016.331)
Tài sản cố định vô hình	227		2.561.031.623	2.679.898.552
<i>Nguyên giá</i>	228		7.879.535.312	7.265.535.312
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5.318.503.689)	(4.585.636.760)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>3.234.686.485</b>	-
<i>Nguyên giá</i>	231	12	3.234.686.485	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>152.870.182.358</b>	<b>80.639.517.992</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	152.870.182.358	80.639.517.992
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>63.232.641.789</b>	<b>67.080.380.386</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	63.232.641.789	67.080.380.386
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>165.519.008.588</b>	<b>163.279.789.449</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	165.519.008.588	163.279.789.449
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>3.880.737.890.730</b>	<b>3.370.976.853.769</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 - DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>2.537.043.216.684</b>	<b>2.019.622.154.131</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.462.289.679.528</b>	<b>1.978.198.065.264</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	780.398.616.082	581.884.329.777
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		18.931.623.376	39.272.546.209
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	20.716.038.169	20.528.544.581
Phải trả người lao động	314		37.740.047.020	48.368.119.724
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	3.669.411.851	11.551.069.588
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	13.010.413.010	17.576.276.698
Vay ngắn hạn	320	20(a)	1.579.304.542.721	1.255.895.802.688
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	8.518.987.299	3.121.375.999
<b>Vay dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>74.753.537.156</b>	<b>41.424.088.867</b>
Vay dài hạn	338	20(b)	74.753.537.156	41.424.088.867
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.343.694.674.046</b>	<b>1.351.354.699.638</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>1.343.694.674.046</b>	<b>1.351.354.699.638</b>
Vốn cổ phần	411	23	807.988.390.000	807.988.390.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		807.988.390.000	807.988.390.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.561.050.000	3.561.050.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		466.200.000	466.200.000
Cổ phiếu quỹ	415	23	(12.730.000)	(12.730.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(31.616.582)	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	338.290.620.318	298.985.382.014
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		20.463.604.691	20.463.604.691
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	172.969.155.619	219.902.802.933
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.568.289.505	15.079.299.599
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		171.400.866.114	204.823.503.334
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>3.880.737.890.730</b>	<b>3.370.976.853.769</b>

Ngày 23 tháng 3 năm 2018

Người lập:

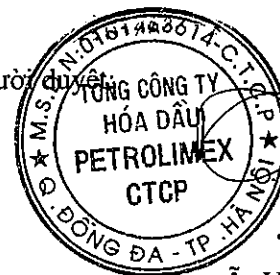


Nguyễn Quang Hưng  
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đức  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

Mẫu B 02 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND Đã phân loại lại
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>01</b>	<b>27</b>	<b>5.049.088.496.895</b>	<b>4.804.729.340.377</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>27</b>	<b>2.629.541.925</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>27</b>	<b>5.046.458.954.970</b>	<b>4.804.729.340.377</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>28</b>	<b>4.263.628.331.642</b>	<b>3.943.091.774.651</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>782.830.623.328</b>	<b>861.637.565.726</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	31.867.413.787	30.451.799.413
Chi phí tài chính	22	30	60.268.695.295	77.350.158.678
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>54.202.198.384</i>	<i>50.240.922.679</i>
Phần (lãi)/lãi trong công ty liên kết	24		(3.847.738.597)	10.546.573.303
Chi phí bán hàng	25	31	446.045.201.873	468.941.084.476
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	91.678.692.836	106.986.032.605
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>212.857.708.514</b>	<b>249.358.662.683</b>
Thu nhập khác	31		4.348.537.806	10.627.949.154
Chi phí khác	32		2.129.202.299	3.333.673.675
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>2.219.335.507</b>	<b>7.294.275.479</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>215.077.044.021</b>	<b>256.652.938.162</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>34</b>	<b>43.676.177.907</b>	<b>51.829.434.828</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>171.400.866.114</b>	<b>204.823.503.334</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	2.121	2.535

Ngày 23 tháng 3 năm 2018

Người lập:

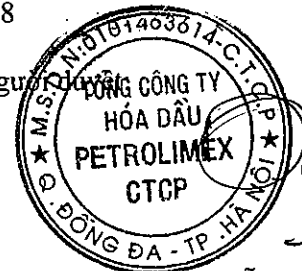


Nguyễn Quang Hưng  
Kế toán viên

Người lập:



Phương Thảo Hiền  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đức  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 - DN/HN**  
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>215.077.044.021</b>	<b>256.652.938.162</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	92.796.367.154	102.259.726.074
Các khoản dự phòng	03	(1.625.837.091)	(3.998.448.562)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(655.556.412)	14.093.129.891
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(17.007.892.141)	(31.434.073.200)
Chi phí lãi vay	06	54.202.198.384	50.240.922.679
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>342.786.323.915</b>	<b>387.814.195.044</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(382.150.163.455)	(104.600.142.224)
Biến động hàng tồn kho	10	(43.348.928.736)	207.968.778.397
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	162.114.381.402	289.031.880.856
Biến động chi phí trả trước	12	(2.215.661.663)	(11.133.828.789)
Tiền lãi vay đã trả	14	(54.202.198.384)	(46.966.833.812)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(42.582.557.215)	(81.799.580.034)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(12.036.531.824)	(11.155.762.018)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(31.635.335.960)</b>	<b>629.158.707.420</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(180.090.380.607)	(129.790.499.609)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	1.049.790.000	1.443.060.453
Tiền gửi có kỳ hạn	23	(43.851.350.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	4.513.704.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	19.105.294.700	20.104.376.371
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(203.786.645.907)</b>	<b>(103.729.358.785)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

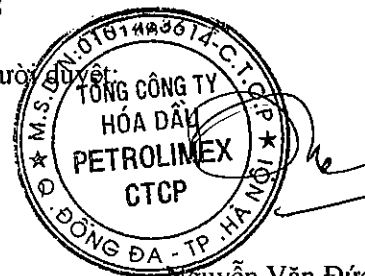
	<b>Mã số</b>	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	3.599.755.301.078	3.276.065.976.789
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.244.693.834.831)	(4.528.643.719.917)
Tiền trả cổ tức	36	(160.649.989.175)	(2.123.859.050)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>194.411.477.072</b>	<b>(1.254.701.602.178)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(41.010.504.795)</b>	<b>(729.272.253.543)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>605.917.594.464</b>	<b>1.335.175.091.627</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>(45.376.567)</b>	<b>14.756.380</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61 + 61) (Thuyết minh 5)</b>	<b>70</b>	<b>564.861.713.102</b>	<b>605.917.594.464</b>

Ngày 23 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Nguyễn Quang Hưng  
Kế toán viênPhương Thảo Hiền  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Văn Đức  
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

## **Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu B 09 - DN/HN**

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương).

Công ty mẹ của Tổng công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (“Petrolimex”), nắm giữ 79,07% vốn cổ phần.

### **(b) Hoạt động chính**

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty, các hoạt động được cấp phép của Tổng công ty là:

- Kinh doanh xuất nhập khẩu dầu mỡ nhờn, nhựa đường, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm) và các mặt hàng khác thuộc lĩnh vực dầu mỏ và khí đốt;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư, thiết bị chuyên ngành hóa dầu;
- Kinh doanh dịch vụ: vận tải, cho thuê kho bãi, pha chế, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật hóa dầu;
- Kinh doanh bất động sản; và
- Kinh doanh dịch vụ cung ứng tàu biển.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Cấu trúc Tổng công ty:**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng công ty có 2 công ty con (01/01/2017: 2 công ty con) như sau:

			<b>31/12/2017 và 01/01/2017</b>
	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>% sở hữu và % quyền biểu quyết</b>
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng nhựa đường	Hà Nội	100%
Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng hóa chất	Hà Nội	100%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng công ty có 1 công ty liên kết (01/01/2017: 1 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 14.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng công ty và các công ty con có 716 nhân viên (01/01/2017: 717 nhân viên), trong đó tại Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP có 342 nhân viên (01/01/2017: 350 nhân viên), Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex có 262 nhân viên (01/01/2017: 260 nhân viên) và Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex có 112 nhân viên (01/01/2017: 107 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty và các công ty con là từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(ii) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tổng công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tổng công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

**(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Tổng công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng công ty tại đơn vị nhận đầu tư.

**(b) Ngoại tệ**

**(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không được dùng để chia cổ tức.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Hoạt động ở nước ngoài**

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

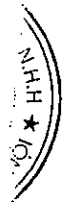
**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc, thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 – 17 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**(i) Bất động sản đầu tư**

***Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá***

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(j) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(k) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đầu tư sàn văn phòng**

Chi phí đầu tư sàn văn phòng là chi phí trả trước cho việc mua văn phòng tại tầng 18 và tầng 19 tòa nhà Mípec, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa, Hà Nội và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian còn lại từ 43 đến 46 năm.

**(ii) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê đất.

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá gốc của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Giá gốc của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

**(iv) Chi phí sửa chữa lớn**

Chi phí sửa chữa lớn tài sản bao gồm các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

**(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(m) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty và Ban Giám đốc các công ty con về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**(n) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu trừ đi ảnh hưởng thuế. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

**(o) Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(p) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc của các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(r) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(s) Lãi trên cổ phiếu**

Tổng công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

**(t) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng công ty và các công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Tổng công ty không trình bày báo cáo bộ phận chia theo khu vực địa lý do Tổng công ty và các công ty con chủ yếu thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(u) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (“Tập đoàn”) và các công ty con, công ty liên kết của Tập đoàn.

**4. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng công ty được cấu trúc theo mô hình công ty mẹ - công ty con và mỗi công ty thực hiện kinh doanh trên từng ngành hàng riêng biệt như sau:

- Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP: Nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh ngành hàng dầu mỡ nhờn;
- Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex: Nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh ngành hàng nhựa đường; và
- Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex: Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng hóa chất có nguồn gốc từ dầu mỏ.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

	Dầu mỡ nhờn VND	Nhựa đường VND	Hóa chất VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	1.406.988.067.491	1.627.685.895.396	2.011.784.992.083	-	5.046.458.954.970
Doanh thu giữa các bộ phận	6.341.401.281	-	-	(6.341.401.281)	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>1.413.329.468.772</b>	<b>1.627.685.895.396</b>	<b>2.011.784.992.083</b>	<b>(6.341.401.281)</b>	<b>5.046.458.954.970</b>
Giá vốn hàng bán	970.186.512.898	1.419.196.345.372	1.880.586.874.653	(6.341.401.281)	4.263.628.331.642
Chi phí bán hàng	207.327.403.802	164.181.847.490	74.535.950.581	-	446.045.201.873
Chi phí quản lý doanh nghiệp	44.417.609.735	30.864.505.880	16.396.577.221	-	91.678.692.836
<b>Kết quả kinh doanh của bộ phận</b>	<b>191.397.942.337</b>	<b>13.443.196.654</b>	<b>40.265.589.628</b>	<b>-</b>	<b>245.106.728.619</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	11.928.610.810	21.041.504.949	8.336.305.996	(9.439.007.968)	31.867.413.787
Chi phí tài chính	6.579.818.469	23.509.775.190	34.218.429.820	(4.039.328.184)	60.268.695.295
Phản lãi trong công ty liên kết	(3.847.738.597)	-	-	-	(3.847.738.597)
Thu nhập khác	2.316.712.706	937.350.412	1.094.474.688	-	4.348.537.806
Chi phí khác	2.127.123.521	2.078.778	-	-	2.129.202.299
<b>Kết quả từ các hoạt động khác</b>	<b>1.690.642.929</b>	<b>(1.532.998.607)</b>	<b>(24.787.649.136)</b>	<b>(5.399.679.784)</b>	<b>(30.029.684.598)</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	193.088.585.266	11.910.198.047	15.477.940.492	(5.399.679.784)	215.077.044.021
Thuế thu nhập doanh nghiệp	38.050.622.484	2.522.459.161	3.103.096.262	-	43.676.177.907
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>	<b>155.037.962.782</b>	<b>9.387.738.886</b>	<b>12.374.844.230</b>	<b>(5.399.679.784)</b>	<b>171.400.866.114</b>



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

	Dầu mỡ nhờn VND (Phân loại lại)	Nhựa đường VND	Hóa chất VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND (Phân loại lại)
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	1.624.529.525.227	1.337.617.552.028	1.842.582.263.122	-	4.804.729.340.377
Doanh thu giữa các bộ phận	6.844.594.971	-	-	(6.844.594.971)	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>1.631.374.120.198</b>	<b>1.337.617.552.028</b>	<b>1.842.582.263.122</b>	<b>(6.844.594.971)</b>	<b>4.804.729.340.377</b>
Giá vốn hàng bán	1.093.197.146.749	1.137.940.427.367	1.718.798.795.506	(6.844.594.971)	3.943.091.774.651
Chi phí bán hàng	260.970.078.443	137.434.518.672	70.536.487.361	-	468.941.084.476
Chi phí quản lý doanh nghiệp	48.265.218.401	46.931.325.136	11.789.489.068	-	106.986.032.605
<b>Kết quả kinh doanh của bộ phận</b>	<b>228.941.676.605</b>	<b>15.311.280.853</b>	<b>41.457.491.187</b>	<b>-</b>	<b>285.710.448.645</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	22.960.515.286	20.775.038.945	5.673.478.601	(18.957.233.419)	30.451.799.413
Chi phí tài chính	(3.230.547.237)	33.876.352.566	39.187.333.740	7.517.019.609	77.350.158.678
Phần lãi trong công ty liên kết	10.546.573.303	-	-	-	10.546.573.303
Thu nhập khác	3.557.636.198	6.933.667.704	136.645.252	-	10.627.949.154
Chi phí khác	3.303.515.529	25.150.206	5.007.940	-	3.333.673.675
<b>Kết quả từ các hoạt động khác</b>	<b>36.991.756.495</b>	<b>(6.192.796.123)</b>	<b>(33.382.217.827)</b>	<b>(26.474.253.028)</b>	<b>(29.057.510.483)</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	265.933.433.100	9.118.484.730	8.075.273.360	(26.474.253.028)	256.652.938.162
Thuế thu nhập doanh nghiệp	48.093.468.181	2.119.911.974	1.616.054.673	-	51.829.434.828
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>	<b>217.839.964.919</b>	<b>6.998.572.756</b>	<b>6.459.218.687</b>	<b>(26.474.253.028)</b>	<b>204.823.503.334</b>

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017**

	Dầu mỡ nhờn VND	Nhựa đường VND	Hóa chất VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
<b>Tài sản</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.025.131.306	498.834.550.055	18.002.031.741	-	564.861.713.102
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	43.851.350.000	-	-	43.851.350.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	169.264.363.304	425.020.892.767	988.558.576.869	(16.659.830.642)	1.566.184.002.298
Hàng tồn kho	386.331.877.338	236.673.735.276	153.723.917.051	-	776.729.529.665
Tài sản ngắn hạn khác	971.245.649	23.672.975.110	6.908.025.230	-	31.552.245.989
Các khoản phải thu dài hạn	32.876.000.000	3.864.872.800	-	(32.876.000.000)	3.864.872.800
Tài sản cố định	176.470.710.764	232.236.312.374	100.130.634.518	-	508.837.657.656
Bất động sản đầu tư	3.234.686.485	-	-	-	3.234.686.485
Tài sản dở dang dài hạn	48.552.347.941	53.116.945.547	51.200.888.870	-	152.870.182.358
Đầu tư tài chính dài hạn	573.232.641.789	-	-	(510.000.000.000)	63.232.641.789
Tài sản dài hạn khác	69.619.248.166	24.006.509.062	71.893.251.360	-	165.519.008.588
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.508.578.252.742</b>	<b>1.541.278.142.991</b>	<b>1.390.417.325.639</b>	<b>(559.535.830.642)</b>	<b>3.880.737.890.730</b>
<b>Nguồn vốn</b>					
Nợ ngắn hạn	194.107.945.092	1.195.787.510.858	1.098.554.054.220	(26.159.830.642)	2.462.289.679.528
Nợ dài hạn	-	-	98.129.537.156	(23.376.000.000)	74.753.537.156
Vốn chủ sở hữu	1.314.470.307.650	345.490.632.133	193.733.734.263	(510.000.000.000)	1.343.694.674.046
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>1.508.578.252.742</b>	<b>1.541.278.142.991</b>	<b>1.390.417.325.639</b>	<b>(559.535.830.642)</b>	<b>3.880.737.890.730</b>
<b>Chi tiêu vốn và khấu hao cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>					
Chi tiêu vốn	59.158.842.680	73.545.146.667	47.386.391.260	-	180.090.380.607
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	53.469.276.941	24.907.664.959	11.720.045.532	-	90.096.987.432
Khấu hao tài sản cố định vô hình	506.764.800	226.102.129	-	-	732.866.929

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2017**

	Dầu mỏ nhờn VND	Nhuộm đường VND	Hóa chất VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
<b>Tài sản</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.712.417.389	415.958.497.547	144.246.679.528	-	605.917.594.464
Các khoản phải thu ngắn hạn	194.647.446.673	368.469.534.268	644.527.540.733	(16.474.807.198)	1.191.169.714.476
Hàng tồn kho	430.815.821.850	96.107.928.378	206.456.850.701	-	733.380.600.929
Tài sản ngắn hạn khác	5.465.573.216	9.287.528.975	11.047.605.210	-	25.800.707.401
Các khoản phải thu dài hạn	-	3.825.000.000	-	-	3.825.000.000
Tài sản cố định	179.456.443.692	208.300.422.568	112.126.682.412	-	499.883.548.672
Tài sản dở dang dài hạn	43.618.500.559	29.342.413.333	7.678.604.100	-	80.639.517.992
Đầu tư tài chính dài hạn	576.000.000.000	-	-	(508.919.619.614)	67.080.380.386
Tài sản dài hạn khác	62.539.480.015	27.266.344.091	73.473.965.343	-	163.279.789.449
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.538.255.683.394</b>	<b>1.158.557.669.160</b>	<b>1.199.557.928.027</b>	<b>(525.394.426.812)</b>	<b>3.370.976.853.769</b>
<b>Nguồn vốn</b>					
Nợ ngắn hạn	212.873.980.551	810.909.323.921	970.889.567.990	(16.474.807.198)	1.978.198.065.264
Nợ dài hạn	-	-	41.424.088.867	-	41.424.088.867
Vốn chủ sở hữu	1.325.381.702.843	347.648.345.239	187.244.271.170	(508.919.619.614)	1.351.354.699.638
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>1.538.255.683.394</b>	<b>1.158.557.669.160</b>	<b>1.199.557.928.027</b>	<b>(525.394.426.812)</b>	<b>3.370.976.853.769</b>
<b>Chi tiêu vốn và khấu hao cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>					
Chi tiêu vốn	61.675.123.930	50.702.875.791	17.412.499.888	-	129.790.499.609
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	63.823.847.614	24.529.177.261	11.343.437.193	-	99.696.462.068
Khấu hao tài sản cố định vô hình	418.305.421	191.559.996	-	-	609.865.417

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	5.235.443.344	2.874.871.359
Tiền gửi ngân hàng	185.626.269.758	180.992.928.105
Các khoản tương đương tiền	374.000.000.000	422.049.795.000
	<hr/> <b>564.861.713.102</b>	<hr/> <b>605.917.594.464</b>

**6. Các khoản đầu tư tài chính**

**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm khoản tiền gửi bằng VND và USD có kỳ hạn gốc từ 6 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất 5%-6% một năm.

Giá trị hợp lý của đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

1  
2  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
9  
10  
11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20  
21  
22  
23  
24

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**  
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và khách hàng là công ty liên quan:

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Các công ty liên quan</b>		
▪ Các công ty thuộc Petrolimex	57.940.108.349	74.570.633.049
<b>Các bên khác</b>		
▪ Công ty TNHH TM&SX Việt Quang Phát	148.963.621.050	66.305.725.867
▪ Công ty TNHH TM&DV Hà Anh Phát	121.818.513.269	9.797.971.642
▪ Công ty TNHH Hóa chất Thái Bình Dương	89.100.917.476	47.677.913.542
▪ Công ty TNHH Hóa chất Việt Linh	72.340.208.538	68.731.244.395
▪ Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Gia Anh	71.906.423.299	69.301.268.313
▪ Công ty TNHH TM&DV Nam Song Anh	71.155.037.016	61.096.651.021
▪ Công ty TNHH Shin Kwang Global Việt Nam	38.135.426.300	38.135.426.300
▪ Công ty Xây dựng 123 – Chi nhánh Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 – CTCP	10.428.627.000	30.766.116.715
▪ Công ty CP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	127.751	41.468.975.598
▪ Các khách hàng khác	984.433.439.832	688.910.151.757
	1.666.222.449.880	1.196.762.078.199

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn thu hồi là 30 đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**8. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tạm ứng cho nhân viên phục vụ công tác	8.191.834.346	9.898.771.003
Lãi tiền gửi dự thu	1.559.318.259	858.772.221
Thuế nhập khẩu chờ hoàn	-	2.662.958.910
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.788.657.629	5.304.730.863
	14.539.810.234	18.725.232.997

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**  
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**9. Nợ xấu và nợ khó đòi**

31/12/2017	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ quá hạn</b>			
▪ Dưới 6 tháng	199.267.583.947	-	199.267.583.947
▪ Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30.363.605.937	(6.090.093.808)	24.273.512.129
▪ Từ 1 năm đến dưới 2 năm	5.374.316.774	(1.567.077.118)	3.807.239.656
▪ Từ 2 năm đến dưới 3 năm	69.579.568.976	(29.923.662.657)	39.655.906.319
▪ Từ 3 năm trở lên	152.510.374.082	(150.135.854.848)	2.374.519.234
	<b>457.095.449.716</b>	<b>(187.716.688.431)</b>	<b>269.378.761.285</b>

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn (187.716.688.431)

01/01/2017	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ quá hạn</b>			
▪ Dưới 6 tháng	295.368.510.175	-	295.368.510.175
▪ Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	14.210.103.271	(1.327.064.269)	12.883.039.002
▪ Từ 1 năm đến dưới 2 năm	42.547.045.903	(15.636.293.828)	26.910.752.075
▪ Từ 2 năm đến dưới 3 năm	77.237.056.309	(46.797.425.313)	30.439.630.996
▪ Từ 3 năm trở lên	135.829.469.324	(125.581.742.112)	10.247.727.212
	<b>565.192.184.982</b>	<b>(189.342.525.522)</b>	<b>375.849.659.460</b>

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn (189.342.525.522)

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Hàng tồn kho**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	109.412.083.244	-	38.983.444.448	-
Nguyên vật liệu	239.854.363.389	-	319.672.588.128	-
Công cụ và dụng cụ	11.986.450.786	-	11.663.314.283	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	27.202.092.098	-	23.915.504.901	-
Thành phẩm	189.191.154.428	-	209.801.299.237	-
Hàng hóa	199.083.385.720	-	129.344.449.932	-
	<b>776.729.529.665</b>	<b>-</b>	<b>733.380.600.929</b>	<b>-</b>

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**11. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	488.817.691.038	297.609.633.086	150.263.896.174	20.093.446.153	956.784.666.451
Tăng trong năm	702.194.635	15.392.162.344	7.006.103.505	2.582.644.546	25.683.105.030
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	42.351.177.845	20.935.813.855	12.321.712.910	1.714.051.285	77.322.755.895
Thanh lý	-	-	(4.214.816.861)	(82.060.040)	(4.296.876.901)
Phân loại lại	(1.690.658.305)	-	1.407.773.258	282.885.047	-
Biến động khác	(3.835.897.580)	-	-	-	(3.835.897.580)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>526.344.507.633</b>	<b>333.937.609.285</b>	<b>166.784.668.986</b>	<b>24.590.966.991</b>	<b>1.051.657.752.895</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	191.643.059.067	154.430.932.193	97.544.416.095	15.962.608.976	459.581.016.331
Khấu hao trong năm	36.750.150.969	36.155.961.778	15.256.780.861	1.934.093.824	90.096.987.432
Thanh lý	-	-	(4.214.816.861)	(82.060.040)	(4.296.876.901)
Phân loại lại	(1.518.808.673)	-	1.247.849.771	270.958.902	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>226.874.401.363</b>	<b>190.586.893.971</b>	<b>109.834.229.866</b>	<b>18.085.601.662</b>	<b>545.381.126.862</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	297.174.631.971	143.178.700.893	52.719.480.079	4.130.837.177	497.203.650.120
Số dư cuối năm	299.470.106.270	143.350.715.314	56.950.439.120	6.505.365.329	506.276.626.033

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản với nguyên giá 224.465 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (01/01/2017: 188.983 triệu VND).



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Bất động sản đầu tư**

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá		
▪ Quyền sử dụng đất	3.234.686.485	-

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá của Tổng công ty là mảnh đất tại Đường 2 Tháng 9, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này chưa được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư này.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**  
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	80.639.517.992	181.756.099.118
Tăng trong năm	154.407.275.577	90.231.977.656
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(77.322.755.895)	(139.788.250.144)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(600.938.688)	(49.562.451.450)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(614.000.000)	(1.535.650.914)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(3.234.686.485)	-
Giảm khác	(404.230.143)	(462.206.274)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>152.870.182.358</b>	<b>80.639.517.992</b>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	<b>31/12/2017</b> <b>VND</b>	<b>01/01/2017</b> <b>VND</b>
<b>Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP</b>		
Công trình mở rộng Nhà máy dầu nhờn Nhà Bè	17.680.399.573	13.121.874.398
Dự án xây dựng Nhà máy dầu nhờn Đình Vũ	15.860.607.248	11.292.216.363
Công trình mở rộng Nhà máy dầu nhờn Thượng Lý	7.310.267.889	8.310.850.082
Dự án xây dựng Kho dầu mỡ nhờn Đà Nẵng	7.263.873.231	7.263.873.231
Dự án xây dựng nhà Văn phòng Chi nhánh Đà Nẵng	-	3.234.686.485
Các dự án khác	437.200.000	395.000.000
	<b>48.552.347.941</b>	<b>43.618.500.559</b>
<b>Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex</b>		
Công trình mở rộng Nhà máy nhựa đường Thượng Lý	11.136.335.235	10.901.608.400
Công trình mở rộng Nhà máy nhựa đường Cửa Lò	7.841.265.967	6.020.894.200
Công trình mở rộng Nhà máy nhựa đường Nhà Bè	6.812.403.805	6.003.374.805
Các dự án khác	27.326.940.540	6.416.535.928
	<b>53.116.945.547</b>	<b>29.342.413.333</b>
<b>Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex</b>		
Công trình kho Đình Vũ	50.259.691.598	5.430.757.807
Các dự án khác	941.197.272	2.247.846.293
	<b>51.200.888.870</b>	<b>7.678.604.100</b>
	<b>152.870.182.358</b>	<b>80.639.517.992</b>

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang tương đương 50.259 triệu VND (2016: Không).

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Đầu tư tài chính dài hạn**

Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	31/12/2017		Số lượng cổ phiếu	01/01/2017	
		% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND		% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND
<b>Công ty liên kết</b>						
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	Hải Phòng	43,78%	63.232.641.789	6.600.000	43,78%	67.080.380.386
			<u>63.232.641.789</u>			<u>67.080.380.386</u>

Biến động của đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	67.080.380.386	61.047.511.083
Phần (lỗ)/lãi trong công ty liên kết Thanh lý	(3.847.738.597)	10.546.573.303
	-	(4.513.704.000)
Số dư cuối năm	<u>63.232.641.789</u>	<u>67.080.380.386</u>

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí đầu tư sàn văn phòng VND	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa lớn VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	65.609.554.610	67.390.789.475	11.661.544.264	6.527.950.436	12.089.950.664	163.279.789.449
Tăng trong năm	-	-	7.088.684.841	12.716.001.307	5.179.395.088	24.984.081.236
Chuyển từ Xây dựng cơ bản dờ dang	-	-	211.686.795	-	389.251.893	600.938.688
Phân bổ trong năm	(1.402.509.202)	(564.003.591)	(5.698.355.077)	(7.245.726.331)	(8.435.206.584)	(23.345.800.785)
Phân loại lại	-	-	(4.999.507.706)	-	4.999.507.706	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>64.207.045.408</b>	<b>66.826.785.884</b>	<b>8.264.053.117</b>	<b>11.998.225.412</b>	<b>14.222.898.767</b>	<b>165.519.008.588</b>

(\*): Trong chi phí đất trả trước có giá trị quyền sử dụng đất tại Lô đất CN5.2L tại Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017 là 49.907 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex, một công ty con của Tổng công ty (Thuyết minh 20(b)).

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Phải trả người bán ngắn hạn**

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn và nhà cung cấp là công ty liên quan:

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các công ty liên quan</b>		
▪ Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	409.710.045.201	332.991.898.465
▪ Các công ty thuộc Petrolimex	9.013.900.868	4.395.898.573
▪ Castrol BP PETCO Co., Ltd.	1.662.025.979	3.867.100.611
	<hr/>	
	420.385.972.048	341.254.897.649
<b>Các bên khác</b>		
▪ Fortrec Chemicals And Petroleum Pte., Ltd	66.814.874.984	-
▪ Hanwa Co., Ltd	61.986.339.643	-
▪ Công ty TNHH DV&TM Hà Anh Phát	27.828.738.747	-
▪ Shell Eastern Trading Pte., Ltd	50.163.949.037	-
▪ SK Networks Co., Ltd	-	51.522.338.590
▪ Petronas Chemical Marketing	1.047.794.944	49.335.022.109
▪ Hin Hin Trading Pte., Ltd.	21.101.032.594	20.271.230.090
▪ Elf Lubrifiant Paris	4.513.253.849	14.717.936.150
▪ Exxon Mobil Asia Ltd.	10.586.737.586	6.641.827.500
▪ Các nhà cung cấp khác	115.969.922.650	98.141.077.689
	<hr/>	
	360.012.644.034	240.629.432.128
	<hr/>	
	780.398.616.082	581.884.329.777
	<hr/>	

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 - 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTPC**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

	01/01/2017		Số phát sinh trong năm		Số đã khấu trừ trong năm		31/12/2017	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số đã khấu trừ VND	Phải thu VND	Phải nộp VND	
Thuế giá trị gia tăng	-	6.912.230.045	1.019.751.178.020	(375.132.926.660)	(643.578.390.533)	1.695.254	7.953.786.126	
Thuế nhập khẩu	111.824.978	-	18.063.152.563	(18.047.133.102)	-	95.805.517	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.162.829.859	9.510.782.132	43.719.293.193	(42.582.557.215)	-	1.998.683.098	9.483.371.349	
Thuế bảo vệ môi trường	-	3.081.599.928	28.539.717.187	(29.296.067.641)	-	-	2.325.249.474	
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.023.932.476	6.653.288.234	(6.776.374.515)	-	2.929.217	903.775.412	
Thuế khác	164.845.000	-	2.778.469.690	(2.728.613.882)	-	164.845.000	49.855.808	
	<b>3.439.499.837</b>	<b>20.528.544.581</b>	<b>1.119.505.098.887</b>	<b>(474.563.673.015)</b>	<b>(643.578.390.533)</b>	<b>2.263.958.086</b>	<b>20.716.038.169</b>	

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí hỗ trợ bán dầu mỡ nhờn	2.946.264.663	4.331.419.668
Chi phí phải trả về sửa chữa lớn tài sản cố định	723.147.188	1.775.034.667
Chi phí vận chuyển	-	505.898.643
Chi phí sửa chữa Kho hóa chất Nhà Bè	-	4.870.246.243
Các khoản trích trước khác	-	68.470.367
	<b>3.669.411.851</b>	<b>11.551.069.588</b>

**19. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả cổ tức	1.335.214.725	1.259.645.600
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	2.848.440.516	2.436.939.527
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.000.000.000	8.000.000.000
Các khoản phải trả khác	826.757.769	5.879.691.571
	<b>13.010.413.010</b>	<b>17.576.276.698</b>

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTPC**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**20. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	01/01/2017		31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Biến động trong năm
Vay ngắn hạn	1.255.895.802.688	1.255.895.802.688	3.568.256.957.078	(3.244.693.834.831)
			(154.382.214)	1.579.304.542.721
				1.579.304.542.721

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm (%)	31/12/2017		01/01/2017	
			VND	VND	VND	VND
Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	2 - 5,5	727.795.392.857	475.002.687.366		
Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	USD	1,3	4.958.203.853	64.225.527.618		
Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	USD	1,2	32.269.060.024	-		
Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	4,5 - 5,2	6.355.911.544	55.627.780.064		
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội	USD	1,2 - 3,3	15.602.309.573	170.775.457.403		
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	1,8 - 5,35	144.013.377.712	20.571.189.383		
Khoản vay Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC	VND	4,2 - 4,9	187.012.979.342	93.102.854.790		
Khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	VND	4,2 - 5,5	-	75.337.401.234		
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	USD	1,7 - 3	81.158.077.301	258.231.909.693		
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VND	5,2 - 5,3	29.006.207.739	-		
Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	5,5	4.161.151.500	7.253.085.276		
Khoản vay Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam	USD	1,9 - 2,3	68.133.659.787	35.767.909.861		
Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	USD	2,3	104.662.053.513	-		
Khoản vay Ngân hàng Eximbank	VND	5	61.358.204.045	-		
Khoản vay Ngân hàng Eximbank	USD	2,45	112.817.953.931	-		
			1.579.304.542.721	1.255.895.802.688		

(\*) Các khoản vay ngắn hạn được dùng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Tổng công ty và các công ty con. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo và được thực hiện theo hạn mức hoặc hợp đồng tín dụng với thời hạn vay 3 tháng đến 6 tháng.



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Vay dài hạn**

	01/01/2017		Biến động trong năm		31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn	41.424.088.867	41.424.088.867	33.329.448.289	-	74.753.537.156	74.753.537.156

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm (%)	Năm đáo hạn	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Khoản vay 1	VND	8,5	2025	27.750.000.000	27.750.000.000
Khoản vay 2	VND	8,5	2025	10.400.000.000	10.400.000.000
Khoản vay 3 (*)	VND	8,6	2025	1.558.356.945	1.558.356.945
Khoản vay 4 (*)	VND	8,5	2025	1.715.731.922	1.715.731.922
Khoản vay 5	VND	8,5	2025	4.321.621.000	-
Khoản vay 6 (*)	VND	8,5	2025	1.831.104.289	-
Khoản vay 7	VND	8,5	2025	6.297.900.000	-
Khoản vay 8	VND	8,5	2025	2.520.945.700	-
Khoản vay 9	VND	8,5	2025	10.646.677.300	-
Khoản vay 10	VND	10,1	2025	7.711.200.000	-
				<b>74.753.537.156</b>	<b>41.424.088.867</b>

Vay dài hạn là các khoản vay của Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex được nhận từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex, có thời hạn 10 năm (ân hạn gốc 2 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên) để thực hiện dự án Kho Dung môi - Hóa chất Petrolimex Đình Vũ. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản được hình thành trong tương lai bao gồm: Giá trị quyền sử dụng đất tại Lô đất CN5.2L tại Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017 là 49.907 triệu VND (Thuyết minh 15) và toàn bộ cơ sở hạ tầng, tài sản gắn liền với đất và máy móc, thiết bị của Kho Dung môi - Hóa chất Petrolimex Đình Vũ.

(\*) Theo thỏa thuận giữa Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex và Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex, chi phí lãi vay phát sinh trong năm 2016 của khoản vay 1 và khoản vay 2 được chuyển thành các khoản vay dài hạn mới (khoản vay 3 và khoản vay 4), chi phí lãi vay phát sinh từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 của các khoản vay 1, 2, 3, 4, 5 được chuyển thành khoản vay dài hạn mới (khoản vay 6).

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Tổng công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tổng công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	3.121.375.999	(2.729.592.945)
Trích lập trong năm	17.391.028.243	17.006.730.962
Sử dụng trong năm	(11.993.416.943)	(11.155.762.018)
Số dư cuối năm	<u>8.518.987.299</u>	<u>3.121.375.999</u>

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư ngày 01/01/2016</b>	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	-	232.943.693.904	20.463.604.691	98.127.727.936	1.163.537.936.531
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	204.823.503.334	204.823.503.334
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(17.006.730.962)	(17.006.730.962)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	-	69.210.589.531	-	(69.210.589.531)	-
Biến động khác	-	-	-	-	-	(3.168.901.421)	-	3.168.892.156	(9.265)
<b>Số dư ngày 01/01/2017</b>	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	-	298.985.382.014	20.463.604.691	219.902.802.933	1.351.354.699.638
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	171.400.866.114	171.400.866.114
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(17.391.028.243)	(17.391.028.243)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	-	39.305.238.304	-	(39.305.238.304)	-
Chia cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	-	-	-	(161.595.132.000)	(161.595.132.000)
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	-	-	-	-	(31.616.582)	-	-	-	(31.616.582)
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	-	(43.114.881)	(43.114.881)
<b>Số dư ngày 31/12/2017</b>	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	(31.616.582)	338.290.620.318	20.463.604.691	172.969.155.619	1.343.694.674.046

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## 23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng công ty là:

	31/12/2017		01/01/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	80.798.839	807.988.390.000	80.798.839	807.988.390.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	80.798.839	807.988.390.000	80.798.839	807.988.390.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	1.273	12.730.000	1.273	12.730.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	80.797.566	807.975.660.000	80.797.566	807.975.660.000

Vốn cổ phần của Tổng công ty, chi tiết theo các cổ đông như sau:

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND	%	VND	%
<b>Cổ đông</b>				
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	638.892.590.000	79,07%	638.892.590.000	79,07%
Các cổ đông khác	169.095.800.000	20,93%	169.095.800.000	20,93%
	807.988.390.000	100%	807.988.390.000	100%

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

## 24. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 18 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty đã chia cổ tức 161.595 triệu VND (2.000 VND trên một cổ phiếu) từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2016 (2016: Không).

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản, nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công**

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba	154.604.789.547	37.061.448.006

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>31/12/2017</b>		<b>01/01/2017</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ ("USD")	562.098	12.736.355.010	327.884	7.443.668.553
Euro ("EUR")	245	6.966.781	478	12.198.088
		<u>12.743.321.791</u>		<u>7.455.866.641</u>

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tổng công ty và các công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt	135.220.000.000	152.567.000.000

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế bảo vệ môi trường.

Doanh thu thuần của Tổng công ty và các công ty con bao gồm:

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Tổng doanh thu		
Bán dầu mỡ nhờn	1.371.676.877.855	1.607.233.915.270
Bán nhựa đường	1.630.315.437.321	1.337.617.552.028
Bán hóa chất, dung môi	1.983.575.044.729	1.828.374.023.122
Bán hàng hóa khác	41.917.080.280	17.295.609.957
Thu nhập từ kinh doanh chênh lệch giá hóa chất	21.604.056.710	14.208.240.000
	<hr/>	<hr/>
	5.049.088.496.895	4.804.729.340.377
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	(2.629.541.925)	-
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	5.046.458.954.970	4.804.729.340.377

**28. Giá vốn hàng bán**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b> (Đã phân loại lại)
Giá vốn dầu mỡ nhờn	930.008.733.745	1.072.313.441.984
Giá vốn nhựa đường	1.419.196.345.372	1.151.437.218.745
Giá vốn hóa chất, dung môi	1.880.267.806.740	1.718.798.795.506
Giá vốn hàng hóa khác	34.155.445.785	16.168.315.654
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(15.625.997.238)
	<hr/>	<hr/>
	4.263.628.331.642	3.943.091.774.651

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Lãi tiền gửi	19.805.840.738	18.913.546.530
Lợi nhuận được chia	-	531.024.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.899.696.361	8.277.907.488
Lãi hàng bán trả chậm	3.988.805.889	2.729.321.395
Doanh thu hoạt động tài chính khác	173.070.799	-
	<hr/> <b>31.867.413.787</b>	<hr/> <b>30.451.799.413</b> <hr/>

**30. Chi phí tài chính**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Chi phí lãi vay	54.202.198.384	50.240.922.679
Chiết khấu thanh toán	2.329.525.306	1.195.812.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.736.971.605	25.131.894.833
Chi phí tài chính khác	-	781.529.166
	<hr/> <b>60.268.695.295</b>	<hr/> <b>77.350.158.678</b> <hr/>

**31. Chi phí bán hàng**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND (Đã phân loại lại)</b>
Chi phí nhân viên	75.303.488.351	72.924.458.897
Chi phí vận chuyển	95.207.292.932	91.936.379.438
Chi phí hỗ trợ bán hàng	71.690.263.334	85.446.147.713
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	55.120.289.008	82.398.969.817
Chi phí sửa chữa	9.772.189.368	7.356.364.163
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.276.905.111	20.780.790.908
Chi phí bán hàng khác	104.674.773.769	108.097.973.540
	<hr/> <b>446.045.201.873</b>	<hr/> <b>468.941.084.476</b> <hr/>

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**  
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**32. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	45.169.150.884	45.807.657.032
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.779.907.694	3.397.539.794
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.342.486.889	19.458.639.872
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	26.387.147.369	38.322.195.907
	<b>91.678.692.836</b>	<b>106.986.032.605</b>

**33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu	900.227.069.565	1.107.411.206.672
Chi phí nhân viên	143.497.499.401	142.746.470.552
Chi phí khấu hao và phân bổ	92.796.367.154	102.259.726.074
Chi phí dịch vụ mua ngoài	154.054.459.459	144.159.638.261
Chi phí khác	245.447.000.524	234.815.019.979

**34. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	215.077.044.021	256.652.938.162
Thuế tính theo thuế suất của Tổng công ty	43.015.408.804	51.330.587.632
Chi phí không được khấu trừ thuế	444.693.026	690.089.582
Trích bổ sung chi phí thuế TNDN năm trước	-	131.038.491
Thu nhập không bị tính thuế	-	(322.280.877)
Ảnh hưởng do lỗ từ công ty liên kết	216.076.077	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<b>43.676.177.907</b>	<b>51.829.434.828</b>

**(b) Thuế suất áp dụng**

Từ năm 2016, Tổng công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**  
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 171.400.866.114 VND (2016: 204.823.503.334 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân là 80.797.566 cổ phiếu (năm 2016: 80.797.566 cổ phiếu).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa có phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông. Nếu Tổng công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

**36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
<b>Các công ty liên quan</b>		
<i>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i>		
▪ Cổ tức	127.778.518.000	-
<i>Petrolimex Singapore Pte Ltd.</i>		
▪ Mua hàng hóa	1.034.392.016.023	677.604.594.889
<b>Các công ty xăng dầu thuộc Petrolimex</b>		
▪ Bán hàng hóa	1.118.368.868.116	1.220.228.110.603
▪ Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	132.779.577.830	104.773.635.749
<b>Công ty TNHH Castrol BP PETCO</b>		
▪ Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	24.172.276.507	42.389.159.624
<b>Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex</b>		
▪ Các khoản vay	161.933.876.670	221.880.509.234
▪ Trả nợ vay	205.772.933.904	584.390.371.909
▪ Lãi vay nhập gốc	1.831.104.289	3.274.088.867
▪ Lãi vay	2.154.885.668	7.510.614.745
<b>Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc</b>		
▪ Tiền lương và thưởng	4.723.998.525	4.246.117.000

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN/HN**  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**37. Số liệu so sánh**

Trừ trường hợp được thuyết minh dưới đây, số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

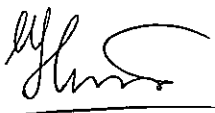
Theo công văn số 213/BTC-CKKT ngày 8 tháng 1 năm 2018 về việc hướng dẫn hạch toán chi phí khuyến mại bằng tiền của Bộ Tài chính, Tổng công ty đã phân loại lại một số số liệu so sánh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 để phù hợp với hướng dẫn và đảm bảo tính so sánh của báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	<b>2016 VND (đã phân loại lại)</b>	<b>2016 VND (theo báo cáo trước đây)</b>
Giá vốn hàng bán	3.943.091.774.651	4.002.777.581.722
Chi phí bán hàng	468.941.084.476	409.255.277.405

Ngày 23 tháng 3 năm 2018

Người lập:

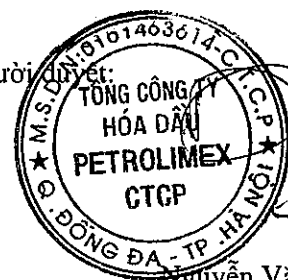


Nguyễn Quang Hưng  
Kế toán viên



Phương Thảo Hiền  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Văn Đức  
Tổng Giám đốc



PETROLIMEX

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2018

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PLC đã trải qua một năm với nhiều khó khăn, kết quả năm 2017 chưa đạt với kỳ vọng, doanh thu đạt 5.052,8 tỷ đồng, bằng 88% kế hoạch, nhưng chỉ bằng 105% cùng kỳ; lợi nhuận trước thuế đạt 215 tỷ đồng, bằng 72% KH ĐHCĐ giao, bằng 84% so với cùng kỳ.

Kết quả kinh doanh năm 2017 không hoàn thành được kế hoạch ĐHCĐ giao, thấp hơn so với năm 2016. Có nhiều lý do, nhưng trong đó, lý do lớn nhất là do nguồn vốn đầu tư cho hạ tầng vẫn còn rất khó khăn, Chính phủ chưa có vốn đối ứng, nên các công trình đầu tư giao thông gần như ngừng trệ, nhu cầu nhựa đường giảm đáng kể, làm ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh ngành hàng nhựa đường nói riêng và của PLC nói chung. Đồng thời, kéo theo đó là nhu cầu dầu mỡ nhờn cho công nghiệp và phương tiện thi công cơ giới cũng giảm theo. Trong khi đó, mặt bằng giá dầu luôn duy trì ở mức thấp, khiến cho giá bán các mặt hàng DMN, Nhựa đường không cao như kỳ vọng. Hóa chất tuy có nhiều khởi sắc nhưng hiệu quả và tỷ trọng đóng góp vào kết quả chung của toàn PLC chưa cao. Mặc dù các chỉ tiêu đạt được không cao so với các năm trước, nhưng đây là một sự cố gắng rất lớn của HĐQT và Ban điều hành. Điều này được thể hiện qua vị trí hàng đầu và mức hiệu quả cao trong các ngành hàng mà PLC tham gia kinh doanh trên thị trường.

HĐQT PLC với 5 thành viên và có Chủ tịch HĐQT làm việc chuyên trách, HĐQT đã rà soát và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, để HĐQT hoạt động theo quy định của Điều lệ, nghị quyết ĐHCĐ và hiệu quả. Cụ thể như sau:

- 1- Ông Phạm Bá Nhuận – Chủ tịch HĐQT chuyên trách, phụ trách chung, phụ trách công tác kế hoạch hóa, công tác nhân sự, lương thưởng.
- 2- Ông Nguyễn Văn Khánh - Ủy viên HĐQT không điều hành, phụ trách công tác đầu tư, công nghệ, phát triển.
- 3- Ông Nguyễn Văn Đức - Ủy viên HĐQT – Tổng giám đốc, phụ trách lĩnh vực kinh doanh dầu mỡ nhờn.
- 4- Ông Vũ Văn Chiến - Ủy viên HĐQT - phụ trách lĩnh vực kinh doanh nhựa đường.
- 5- Ông Hà Thanh Tuấn - Ủy viên HĐQT - phụ trách lĩnh vực kinh doanh hóa chất.

Trong năm 2017, HĐQT đã triệu tập 9 phiên họp và tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản 9 lần để ra nghị quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT quyết định (Chi tiết nội dung các nghị quyết của HĐQT đã được công bố trong Báo cáo quản trị Tổng



công ty năm 2017 đính kèm). Qua đó, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành, thông qua việc:

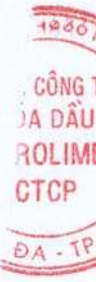
- Định kỳ hàng quý, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2017, từ đó kiến nghị xây dựng lại kế hoạch 2017 và đề ra những mục tiêu cụ thể và thông qua các chủ trương, tư vấn biện pháp thực hiện cho ban điều hành.
- Giám sát công tác đầu tư thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định.
- Hỗ trợ/huy động vốn hiệu quả nhất giữa các Công ty và nguồn vốn bên ngoài phục vụ kinh doanh và đầu tư phát triển của PLC.
- Chuẩn bị ĐHCĐ thường niên, xây dựng kế hoạch năm 2018 trình ĐHCĐ phê duyệt.

Để tiếp tục nâng cao chất lượng quản trị, trong năm qua, HĐQT đã tiếp tục xem xét, đánh giá và hoàn thiện hệ thống quy trình, từng bước nghiên cứu, áp dụng phương pháp quản trị tiên tiến. Kết quả được thể hiện qua:

- Các Quy chế như Quy chế công bố thông tin, Quy định về chế độ thông tin, báo cáo Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của HĐQT và một số quy chế quản trị nội bộ khác đã được ban hành mới, sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quy định mới của Nhà nước và pháp luật.
- Chỉ đạo triển khai ứng dụng hệ thống thông tin quản trị hiện đại vào quản lý, ứng dụng hệ thống quản lý văn bản điện tử, xây dựng bản mô tả công việc theo phương pháp tiên tiến, bước đầu chuẩn bị áp dụng hệ thống đánh giá chất lượng công việc hiện đại vào PLC.

Năm 2018, được đánh giá là kinh tế phát triển ổn định, tuy nhiên, các gói đầu tư hạ tầng giao thông không có nhiều, nên nhu cầu các sản phẩm nhựa đường cao cấp - là lợi thế của PLC, thậm chí nhiều dự án bị đình trệ, có nguy cơ chậm tiến độ do thiếu vốn. Việc phát triển kinh doanh sang thị trường Lào và Campuchia đã có nhiều khởi sắc, nhưng quy mô còn nhỏ. Nên dự báo năm 2018 chưa có nhiều thông tin khả quan, tạo đà bật tăng cả về sản lượng cũng như lợi nhuận đối với ngành hàng nhựa đường. Ngành hàng kinh doanh dầu mỡ nhờn của PLC đang bị cạnh tranh khốc liệt ở trong nước, tại thị trường các nước lân cận, dầu nhờn chưa có lợi thế để cạnh tranh chiếm thị phần. Ngành hàng hóa chất đang trên đà phát triển tốt, đặc biệt nếu tham gia được vào chuỗi giá trị của sản phẩm xăng sinh học đang được nhà nước khuyến khích sử dụng trên thị trường Việt Nam. HĐQT nhận định, mục tiêu kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2018 là 236,8 tỷ đồng. Đây là nhiệm vụ khó khăn và chỉ có thể thực hiện được khi tiếp tục thực hiện các giải pháp đã đề ra trong giai đoạn phát triển 2014-2018 là:

- Giữ vững và khai thác hiệu quả hơn nữa thị trường, khách hàng đang có, thông qua hợp tác chặt chẽ sâu rộng với từng thành viên trong Tập đoàn Petrolimex.
- Bước đầu tiến hành việc xúc tiến bán hàng ra thị trường ngoài nước, làm tiền đề cho sự phát triển, trở thành Tổng công ty mang tầm cỡ khu vực và quốc tế trong tương lai.
- Tập trung đầu tư cơ sở vật chất hợp lý, tạo lợi thế cạnh tranh cho ngành hàng hóa chất, nhằm mục tiêu tăng trưởng và phát triển kinh doanh trong trung hạn.



- Giữ vững hiệu quả sử dụng vốn, giảm tuổi nợ của nhóm khách hàng lớn, xử lý nợ khó đòi và tăng vòng quay hàng tồn kho. Tiết kiệm chi phí, gồm cả chi phí tài chính và chi phí kinh doanh trong toàn hệ thống Công ty mẹ - Công ty con.
- Tiếp tục quá trình tái cấu trúc tổ chức và quản trị doanh nghiệp để PLC thực sự hoạt động theo mô hình Tổng công ty.
- Tổ chức huy động vốn trên thị trường bằng phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng đảm bảo khả năng cân đối, cơ cấu sử dụng hợp lý, kiểm soát rủi ro tài chính cho các ngành hàng, đáp ứng yêu cầu phát triển.
- Kính thưa quý vị cổ đông và các nhà đầu tư,

Với những mong muốn phát triển bền vững, có sự phát triển trên cả 3 lĩnh vực, đồng thời có những bước đột phá trong những năm tiếp theo sang các lĩnh vực kinh doanh mới, thị trường mới, HĐQT được tái cơ cấu, phân công nhiệm vụ và củng cố thêm nhân lực trong năm 2018, xây dựng đội ngũ kế cận và phát huy sáng tạo trong nhiệm kỳ tới và cơ cấu lại theo đúng các quy định mới đối với HĐQT của công ty niêm yết. Với mong muốn đó, HĐQT đề nghị ĐHĐCĐ thông qua chủ trương tăng số lượng HĐQT lên 7 thành viên và được bầu bổ sung ngay trong kỳ họp ĐHĐCĐ 2018.

Thay mặt Hội đồng quản trị, xin trân trọng cảm ơn Quý vị cổ đông và nhà đầu tư đã tin nhiệm lựa chọn và ủng hộ HĐQT hoàn thành tốt nhiệm vụ./.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



CHỦ TỊCH

*Phạm Bá Nhuận*





PETROLIMEX

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018

## BÁO CÁO

### Về việc quyết toán QTL và thù lao của các Thành viên HĐQT và các Thành viên BKS Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex năm 2017

- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty PLC đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 14/04/2016;
- Căn cứ Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2017 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP về việc thông qua phương án về quỹ tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2017 và kết quả sản hoạt động SXKD năm 2016 của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP;

Hội đồng quản trị Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP kính trình ĐHĐCĐ thường niên 2017 thông qua Báo cáo về việc quyết toán quỹ tiền lương và thù lao đối với các thành viên HĐQT, các thành viên BKS năm 2017 như sau:

1. Mức lương và thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 18/04/2017. Theo đó, Tổng QTL và thù lao HĐQT năm 2017 là: **1.450.375.048 đồng.**
2. Quỹ thù lao của thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 18/04/2017. Theo đó, Tổng thù lao của Ban kiểm soát năm 2017 là: **740.570.997 đồng.**

Kính trình ĐHĐCĐ thường niên 2018 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.



CHỦ TỊCH  
*Phạm Bá Nhuận*



Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 2018

**PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2017**

(Trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2018)

**Kính gửi: ĐHĐCĐ thường niên 2018 Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP;

HDQT Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP đã xây dựng và báo cáo ĐHĐCĐ thường niên 2018 Phương án phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2017 của Tổng công ty PLC với nội dung cơ bản sau:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Giá trị	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Lợi nhuận thực hiện 2017</b>	<b>215.077.044.021</b>	
1,1	Lợi nhuận trước thuế từ hoạt động SXKD	216.157.424.407	
1,2	Lợi nhuận khác không phân phối	-1.080.380.386	Vốn hóa giá trị đầu tư
<b>2</b>	<b>Thuế TNDN</b>	<b>43.676.177.907</b>	
	Tr.đó: Thuế TNDN khác phát sinh	444.693.026	Thuế TNDN của thù lao TV HDQT, BKS và các khoản chi phí chịu thuế khác
<b>4</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế phân phối</b>	<b>171.913.686.562</b>	
4,1	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	171.400.866.114	
4,2	Lãi năm trước để bù đắp phần lỗ từ Công ty liên kết	1.080.380.386	
4,3	Thuế TNDN phát sinh sau Thanh tra Thuế năm 2017	-43.114.881	
4,4	Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện sau thuế TNDN	524.445.057	không được phân phối
<b>5</b>	<b>Chia cổ tức</b>	<b>161.595.132.000</b>	<b>Chia cổ tức 20%</b>
<b>6</b>	<b>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>	<b>9.678.334.590</b>	Quỹ khen thưởng phúc lợi trích bằng 1,04 tháng lương thực hiện của người lao động; Quỹ thưởng BQL bằng 0,94 tháng lương, thù lao thực hiện của viên chức quản lý.
<b>7</b>	<b>Quỹ thưởng BQL điều hành Tcty</b>	<b>640.219.972</b>	

Kính đề nghị ĐHĐCĐ Tổng Công ty thông qua Phương án phân phối Lợi nhuận thực hiện năm 2017 của Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH  
*Phạm Bá Nhuận*



**PETROLIMEX**

Hà Nội, ngày .... tháng .... năm 2018

## **TỜ TRÌNH KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018**

Năm 2017 được đánh giá là năm hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex gặp rất nhiều khó khăn. Giá dầu thế giới biến động phức tạp, mặc dù kinh tế trong nước ổn định, lãi suất, tỷ giá, lạm phát biến động thấp... các ngành hàng kinh doanh của Tổng công ty chịu áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt. Tình hình xuất khẩu của ngành hàng dầu nhờn gặp rất nhiều khó, liên tục sụt giảm sản lượng trong những năm gần đây, mặc dù đã triển khai nhiều chương trình nhằm thúc đẩy thị trường trong nước và tìm kiếm nhiều giải pháp gia tăng hoạt động xuất khẩu ra các nước trong khu vực, tuy nhiên hoạt động của ngành hàng dầu mỡ nhờn chưa được như kỳ vọng. Ngành hàng nhựa đường hiệu quả tiếp tục giảm thấp, hoạt động mang tính chu kỳ, trong nước một số dự án lớn đã hoàn thành hoặc triển khai chậm do vậy nhu cầu nhựa đường không còn nhiều, các dự án lớn mới triển khai ở giai đoạn đầu, tổng nhu cầu thị trường sụt giảm nhiều, mặt hàng đem lại lợi nhuận cao là Polyme và Nhũ tương chủ yếu phục vụ cho các dự án BOT vào giai đoạn hoàn thiện thì chưa bán được ở giai đoạn này, các đối thủ cạnh tranh trong những năm qua đã đầu tư thêm nhiều kho bãi và dùng nhiều hình thức cạnh tranh để tranh dành khách hàng và thị phần... Ngành hàng hóa chất có tốc độ tăng trưởng khá trong năm, có điều kiện nâng cao quy mô thị trường, mức gia tăng lợi nhuận cải thiện đáng kể tạo đà cho sự phát triển những năm tiếp theo.

Bước sang năm 2018, theo dự báo của Opec và Hiệp hội kinh doanh xăng dầu Việt Nam, khả năng giá dầu thế giới sẽ ổn định và dao động quanh mức 60-70 USD/thùng, giá dầu có thể tăng vào nửa đầu năm và ổn định về cuối năm. Năm 2018 theo dự báo của ngân hàng Standard Chartered cũng khá tương đồng với mục tiêu mà Chính phủ đặt ra đối với nền kinh tế nước ta, đó là tăng trưởng kinh tế sẽ đạt khoảng 6,8%, tăng trưởng xuất khẩu đạt từ 6-7%. Mặt khác, một số dự án đầu tư công đã được phê duyệt và bắt đầu khởi công và được giải ngân trong năm 2017-2018. Như vậy dự báo kinh tế Việt nam năm 2018 có thể tăng trưởng tốt hơn năm 2017. Tuy vậy Standard Chartered cũng cảnh báo lạm phát có thể cao hơn 2017, tỷ giá có thể tăng từ 1% đến 1,5% trong năm 2018.

Kinh tế thế giới năm 2018 được nhiều tổ chức quốc tế dự báo tăng trưởng cao hơn năm 2017 nhưng phụ thuộc nhiều vào diễn biến của thị trường tài chính, tiền tệ, thị trường dầu thô, thị trường chứng khoán trên thế giới và những tác động của tình hình bất ổn tại một số khu vực. Ở trong nước, kinh tế vĩ mô tiếp tục được duy trì ổn định, lạm phát được kiểm soát sẽ tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế. Những nỗ lực của Chính phủ trong việc thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ





trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 sẽ tháo gỡ những khó khăn trong sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng.

Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ kế hoạch kinh doanh và các nhiệm vụ trọng tâm thực hiện trong năm 2018, cụ thể như sau:

### 1. Kế hoạch tài chính tổng hợp năm 2018:

Với tình hình khó khăn chung như trên đã trình bày: kế hoạch sản lượng, doanh thu và lợi nhuận đã được ĐHĐCĐ 2017 giao trong điều kiện kinh doanh hết sức khó khăn, giá dầu thế giới trời sập, đối thủ cạnh tranh gay gắt, thiên tai lũ lụt xảy ra bất thường... thì việc hoàn thành kế hoạch được giao là rất khó có khả năng thực hiện. Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex đã có nhiều cố gắng nỗ lực, đảm bảo an toàn mọi mặt trong sản xuất kinh doanh, đảm bảo đời sống cho cán bộ người lao động, giữ vững thị phần, thực hiện tốt các nghĩa vụ với nhà nước, quy định của doanh nghiệp, xây dựng và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định quản lý, từng bước hoàn thiện tái cấu trúc doanh nghiệp... Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex thực hiện tỷ lệ chia cổ tức năm 2017 là 20% và không còn tích lũy quỹ đầu tư phát triển trong năm 2017; Để đảm bảo khả năng tích lũy, nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển, ổn định SXKD đề nghị chia cổ tức năm 2018 tối thiểu bằng 80% lợi nhuận sau thuế.

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2017	KẾ HOẠCH NĂM 2018	KH 2018/TH 2017
1	Sản lượng	Tấn; m3	340.970	359.280	105%
2	Doanh thu thuần	Triệu đ	5.046.459	5.530.871	110%
3	Tổng LN trước thuế	Triệu đ	215.077	236.814	110%
4	Tổng LN sau thuế	Triệu đ	171.401	189.452	111%
5	Tỷ suất LNST/VCSH	%	12,87%	14,04%	
6	Tỷ suất LNST/VĐL	%	21,21%	23,45%	
7	Tỷ lệ chia cổ tức	%	20%	Tối thiểu 80% LNST	

(VCSH và VDL để tính tỷ suất thực hiện năm 2017 là số bình quân cuối 4 quý, tỷ suất kế hoạch 2018 là cân đối vốn bình quân theo năm kế hoạch).

Ngoài mục tiêu gia tăng sản lượng, mở rộng thị trường, Tổng công ty duy trì mục tiêu tiết giảm chi phí và đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án trọng điểm, đảm bảo cân đối dòng tiền, bảo toàn và phát triển vốn.

### 2. Kế hoạch đầu tư năm 2018:

Năm 2018, các công ty trong hệ thống PLC tiếp tục tập trung đầu tư các công trình/hạng mục trực tiếp phục vụ các ngành hàng sản xuất kinh doanh chính, tạo điều kiện quan trọng để các công ty nâng cao vị thế, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường. Tổng giá trị đầu tư năm 2017 hoàn thành ở mức 258,091 tỷ đồng, đạt 70,2% Tổng kế hoạch dự toán đầu tư đã được duyệt trong năm; Trong đó: Các hạng mục đầu tư mới đạt 69,5% kế hoạch; các hạng mục sửa chữa lớn đạt 75,3% kế hoạch được duyệt.

Đvt: triệu đồng

TT	HẠNG MỤC ĐẦU TƯ/CHỦ ĐẦU TƯ	KẾ HOẠCH 2017	THỰC HIỆN 2017	TH/KH 2017 (%)
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>367.562</b>	<b>258.091</b>	<b>70,2%</b>
A	CÁC HẠNG MỤC ĐẦU TƯ MỚI	320.595	222.744	69,5%
B	CÁC HẠNG MỤC SỬA CHỮA LỚN	46.967	35.347	75,3%

**Kế hoạch đầu tư, thực hiện các dự án năm 2018 như sau:**

Đvt: triệu đồng

STT	CÁC HẠNG MỤC ĐẦU TƯ/ CHỦ ĐẦU TƯ	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ CỦA TOÀN BỘ DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH	KẾ HOẠCH DỰ TOÁN ĐẦU TƯ NĂM 2018	% KẾ HOẠCH DỰ TOÁN NĂM 2018/ TỔNG MỨC ĐT CỦA TOÀN BỘ D.A/CÔNG TRÌNH
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>676.269</b>	<b>394.753</b>	<b>58,4%</b>
A	CÁC HẠNG MỤC ĐẦU TƯ MỚI	599.827	350.244	58,4%
B	CÁC HẠNG MỤC SỬA CHỮA LỚN	76.442	44.509	58,2%

Nhận thức rõ được tầm quan trọng và giá trị mang lại của hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật tiên tiến, hiện đại, công nghệ sản xuất tiên tiến để sản xuất ra các sản phẩm chất lượng cao, mang thương hiệu Petrolimex, trong năm 2018, Tổng công ty và hai Công ty TNHH trong hệ thống PLC tiếp tục tập trung đầu tư xây dựng các công trình và hạng mục trực tiếp phục vụ các ngành hàng sản xuất kinh doanh chính tại một số dự án, công trình đầu tư lớn, trọng điểm.

### 3. Các hoạt động trọng tâm khác trong năm 2018:

- Hoàn thiện và đẩy mạnh lộ trình tái cấu trúc doanh nghiệp theo đề án Tái cấu trúc Tổng công ty; xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy định, quy chế nhằm tăng cường khả năng quản trị, kiểm soát hoạt động doanh nghiệp.
- Triển khai đồng bộ các chính sách phát triển thị trường, gia tăng sản lượng bán, tiết giảm chi phí kinh doanh, chi phí tài chính trong toàn hệ thống, tăng cường quản lý và hoàn thiện hệ thống định mức chi phí; Tăng vòng quay hàng tồn kho; Hạn chế và kiểm soát tốt công nợ và tăng cường điều hành tài chính tập trung;
- Triển khai nhanh, hiệu quả phần mềm quản trị hệ thống thông tin mới trong toàn hệ thống Công ty mẹ - Công ty con. Bước đầu chuẩn bị áp dụng hệ thống đánh giá chất lượng công việc hiện đại vào PLC.
- Thực hiện đúng quy trình, quy định về đầu tư. Đầu tư tập trung để rút ngắn thời gian triển khai, nhanh chóng đưa các công trình vào khai thác, sử dụng để tạo lợi thế, tận dụng được cơ hội kinh doanh.
- Nghiên cứu sản xuất và tiếp thị, nhanh chóng đưa các sản phẩm mới có hiệu quả kinh doanh cao vào thị trường Việt Nam và đưa sản phẩm PLC ra thị trường khu vực...



TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Phạm Bá Nhuận



PETROLIMEX

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2018

## TỜ TRÌNH

### Về phương án trả lương, thù lao cho các thành viên HĐQT và trả thù lao thành viên Ban kiểm soát năm 2018

- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty PLC đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 14/04/2016;
- Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;
- Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và điều kiện thực tế của Tổng công ty PLC;

Hội đồng quản trị Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP kính trình ĐHCĐ thường niên 2018 về phương án trả lương, thù lao cho các thành viên HĐQT và trả thù lao thành viên Ban kiểm soát năm 2018, như sau:

#### 1. Quỹ tiền lương, thù lao của thành viên HĐQT, thành viên BKS:

- o Tổng QTL và thù lao của HĐQT năm 2018 tối đa được hưởng là: **2,382 tỷ đồng**.
- o Tổng QTL và thù lao của BKS năm 2018 tối đa được hưởng là: **1,678 tỷ đồng**.

#### 2. Phương thức trả thù lao cho các thành viên HĐQT, các thành viên BKS Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP năm 2018: Thực hiện tạm thanh toán hàng tháng và được quyết toán khi kết thúc năm tài chính. HĐQT Tổng công ty PLC sẽ báo cáo ĐHCĐ thường niên năm 2019 thông qua.

Kính trình ĐHCĐ thường niên 2018 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP xem xét, thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



CHỦ TỊCH  
*Phạm Bá Nhuận*



PETROLIMEX

Hà nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018

**TỜ TRÌNH****V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018  
Tổng công ty Hóa dầu Petrokimex-CTCP****Kính gửi: ĐHĐCĐ thường niên năm 2018  
Tổng công ty Hóa dầu Petrokimex**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Hóa dầu Petrokimex, Ban kiểm soát kính trình ĐHĐCĐ một số nội dung sau:

**1. Các tiêu chí đánh giá, lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập**

- Là Công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Bộ Tài chính chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2018;

- Là đơn vị kiểm toán có uy tín, có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ và kinh nghiệm;

- Đáp ứng yêu cầu của Tổng công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;

- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng và phạm vi kiểm toán do Tổng công ty yêu cầu;

- Không xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho Tổng công ty.

**2. Đề xuất Danh sách các Công ty kiểm toán để lựa chọn**

Với các tiêu chí nêu trên, Ban kiểm soát đề xuất Danh sách các công ty kiểm toán để lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét BCTC năm 2018 gồm các Công ty Kiểm toán sau:

- Công ty TNHH KPMG (KPMG)
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Deloitte)
- Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam
- Công ty TNHH PWC Việt Nam

**3. Đề xuất của Ban kiểm soát**

Từ những căn cứ nêu trên, Ban kiểm soát kính trình ĐHĐCĐ thông qua các nội dung sau:

- (1) Thông qua các tiêu chí đánh giá lựa chọn đơn vị kiểm toán tại Mục 1;
- (2) Thông qua danh sách các đơn vị Kiểm toán tại Mục 2;
- (3) Ủy quyền cho HĐQT Tổng công ty tổ chức lựa chọn đơn vị Kiểm toán BCTC và soát xét BCTC năm 2018 theo danh sách đề nghị tại Mục 2 đảm bảo đúng quy định của Nhà nước, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết định!

**BAN KIỂM SOÁT  
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX****Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu BKS.



TỔNG VĂN HẢI



PETROLIMEX

Hà Nội, ngày 18/04/2018

## TỜ TRÌNH

Về việc thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP

**Kính gửi: ĐHĐCĐ thường niên 2018 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính (TT 95) Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ thực tiễn quản lý, điều hành các hoạt động của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP;

Hội đồng quản trị Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP đã tổ chức rà soát, sửa đổi, bổ sung Điều lệ để phù hợp với các quy định Pháp luật và thực tiễn quản lý, điều hành của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP.

Hội đồng quản trị Tổng công ty PLC kính đề nghị ĐHĐCĐ thường niên 2018 thảo luận và thông qua Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP.

*(Bản nội dung chi tiết đính kèm Tờ trình này)*

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



CHỦ TỊCH

*Phạm Bá Nhuận*



**ĐIỀU LỆ**  
**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**  
**TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP**

**HÀ NỘI, THÁNG 04 NĂM 2018**

# MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG I</b>	<b>ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</b> .....	<b>1</b>
Điều 1.	GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ VÀ TỪ VIẾT TẮT TRONG ĐIỀU LỆ.....	1
<b>CHƯƠNG II</b>	<b>TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY</b> .....	<b>2</b>
Điều 2.	TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY.....	2
Điều 3.	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY.....	3
<b>CHƯƠNG III</b>	<b>MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY</b> .....	<b>4</b>
Điều 4.	MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG, LĨNH VỰC KINH DOANH CỦA TỔNG CÔNG TY.....	4
Điều 5.	PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY.....	4
<b>CHƯƠNG IV</b>	<b>VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP</b> .....	<b>5</b>
Điều 6.	VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CỦA TỔNG CÔNG TY.....	5
Điều 7.	CHỨNG NHẬN CỔ PHIẾU.....	6
Điều 8.	CHỨNG CHỈ CHỨNG KHOÁN KHÁC.....	6
Điều 9.	CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN.....	6
Điều 10.	THU HỒI CỔ PHẦN.....	7
<b>CHƯƠNG V</b>	<b>CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</b> .....	<b>7</b>
Điều 11.	CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	7
<b>CHƯƠNG VI</b>	<b>CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b> .....	<b>8</b>
Điều 12.	QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG.....	8
Điều 13.	NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG.....	9
Điều 14.	ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	9
Điều 15.	QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	10
Điều 16.	ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN.....	11
Điều 17.	THAY ĐỔI CÁC QUYỀN.....	12
Điều 18.	TRIỆU TẬP HỢP, CHƯƠNG TRÌNH HỌP VÀ THÔNG BÁO HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	13
Điều 19.	CÁC ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	14
Điều 20.	THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	14
Điều 21.	THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	16
Điều 22.	THẨM QUYỀN VÀ THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỀ THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	16
Điều 23.	BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	18
Điều 24.	YÊU CẦU HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	19
<b>ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG</b>		

## **TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP**

---

<b>CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>19</b>
Điều 25. ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....	19
Điều 26. THÀNH PHẦN VÀ NHIỆM KỶ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....	20
Điều 27. QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	21
Điều 28. THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	23
Điều 29. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....	23
Điều 30. CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	24
Điều 31. CÁC BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	26
Điều 32. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY.....	26
<b>CHƯƠNG VIII TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....</b>	<b>27</b>
Điều 33. TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ .....	27
Điều 34. NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP.....	27
Điều 35. BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC .....	28
<b>CHƯƠNG IX BAN KIỂM SOÁT .....</b>	<b>29</b>
Điều 36. ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ KIỂM SOÁT VIÊN.....	29
Điều 37. KIỂM SOÁT VIÊN.....	29
Điều 38. BAN KIỂM SOÁT.....	30
<b>CHƯƠNG X TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....</b>	<b>31</b>
Điều 39. TRÁCH NHIỆM CẦN TRỌNG .....	31
Điều 40. TRÁCH NHIỆM TRUNG THỰC VÀ TRÁNH CÁC XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI.....	31
Điều 41. TRÁCH NHIỆM VỀ THIẾT HẠI VÀ BỒI THƯỜNG.....	32
<b>CHƯƠNG XI QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY .....</b>	<b>33</b>
Điều 42. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ.....	33
<b>CHƯƠNG XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....</b>	<b>33</b>
Điều 43. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN .....	33
Điều 44. TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI TRONG TỔNG CÔNG TY .....	33
<b>CHƯƠNG XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....</b>	<b>34</b>
Điều 45. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	34
<b>CHƯƠNG XIV TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN .....</b>	<b>34</b>
Điều 46. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG.....	34
Điều 47. NĂM TÀI CHÍNH .....	35
Điều 48. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	35
<b>CHƯƠNG XV BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....</b>	<b>35</b>
Điều 49. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM, SÁU THÁNG VÀ HÀNG QUÝ .....	35

---

## **ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**



## **TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP**

---

Điều 50. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN .....	36
<b>CHƯƠNG XVI KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY .....</b>	<b>36</b>
Điều 51. KIỂM TOÁN .....	36
<b>CHƯƠNG XVII CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT.....</b>	<b>36</b>
Điều 52. CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA TỔNG CÔNG TY .....	36
Điều 53. QUAN HỆ GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC.....	37
Điều 54. QUAN HỆ GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI CÔNG TY CON LÀ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN .....	37
Điều 55. QUAN HỆ GIỮA TỔNG CÔNG TY ĐỐI VỚI CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT .....	39
<b>CHƯƠNG XVIII CON DẤU.....</b>	<b>39</b>
Điều 56. CON DẤU.....	39
<b>CHƯƠNG XIX CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ .....</b>	<b>39</b>
Điều 57. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG.....	39
Điều 58. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN.....	39
Điều 59. GIA HẠN HOẠT ĐỘNG .....	40
Điều 60. THANH LÝ .....	40
<b>CHƯƠNG XX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....</b>	<b>41</b>
Điều 61. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	41
<b>CHƯƠNG XXI BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ .....</b>	<b>41</b>
Điều 62. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	41
<b>CHƯƠNG XXII NGÀY HIỆU LỰC.....</b>	<b>41</b>
Điều 63. NGÀY HIỆU LỰC .....	41
<b>PHỤ LỤC 01 DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP .....</b>	<b>44</b>
<b>PHỤ LỤC 02 DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP .....</b>	<b>45</b>
<b>PHỤ LỤC 03 DANH SÁCH CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP.....</b>	<b>47</b>

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của ĐHĐCĐ tổ chức chính thức vào ngày 18 tháng 04 năm 2018.

## **CHƯƠNG I**

### **ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**

#### **Điều 1. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ VÀ TỪ VIẾT TẮT TRONG ĐIỀU LỆ**

**1. Giải thích thuật ngữ :**

- a. "Vốn Điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại của Tổng công ty và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;
- c. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý Tổng công ty, bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD và Kế toán trưởng Tổng công ty;
- d. "Thành viên HĐQT không điều hành" là thành viên HĐQT không phải là TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được HĐQT bổ nhiệm;
- e. "Địa chỉ thường trú" là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc địa chỉ nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với Tổng công ty để làm địa chỉ liên lạc.
- f. "Tổ chức lại Tổng công ty" là việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp
- g. "Những người liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong khoản 17, điều 4 Luật Doanh nghiệp và các quy định liên quan của pháp luật;
- h. "Công ty mẹ" là Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex- CTCP;
- i. "Cổ phần chi phối, vốn góp chi phối của Tổng công ty" là cổ phần hoặc vốn góp của Tổng công ty chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp khác;
- j. "Quyền chi phối của Tổng công ty" là quyền của Tổng công ty (với tư cách là Tổng công ty nắm giữ cổ phần chi phối, vốn góp chi phối tại công ty con, hoặc nắm giữ bí quyết công nghệ, thương hiệu, thị trường của công ty con) quyết định đối với điều lệ hoạt động và các quyết định quan trọng khác của công ty con;
- k. " Công ty con" là doanh nghiệp do Tổng công ty đầu tư 100% vốn điều lệ hoặc do Tổng công ty giữ cổ phần chi phối, vốn góp chi phối, được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;
- l. " Công ty liên kết" là các công ty có vốn góp dưới mức chi phối của Tổng công ty mẹ, tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần;
- m. "Đơn vị phụ thuộc" là các Công ty/Chi nhánh/Nhà máy Hóa dầu hạch toán phụ thuộc

Tổng công ty;

- n. "Tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con" là tổ hợp các doanh nghiệp bao gồm công ty mẹ và các công ty con.
  - o. Các từ ngữ khác trong Điều lệ này đã được giải nghĩa trong Bộ Luật dân sự, Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa tương tự như trong các văn bản pháp luật đó.
2. Các từ viết tắt trong bản Điều lệ này gồm:
- a. Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam viết tắt là Việt Nam;
  - b. Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam viết tắt là Tập đoàn;
  - c. Sở giao dịch chứng khoán viết tắt SGDCX;
  - d. Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP viết tắt là Tổng công ty hoặc PLC;
  - e. Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP viết tắt là ĐHĐCĐ;
  - f. Hội đồng quản trị Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP viết tắt là HĐQT;
  - g. Tổng giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP viết tắt là TGD;
  - h. Ban kiểm soát Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP viết tắt là BKS;
  - i. Công ty trách nhiệm hữu hạn viết tắt là Công ty TNHH;
  - j. Chi nhánh Hóa dầu viết tắt là CNHD;
  - k. Cơ sở vật chất kỹ thuật viết tắt là CSVCKT;
  - l. Sản xuất kinh doanh viết tắt là SXKD;
  - m. Vốn điều lệ viết tắt là VDL.
3. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác, sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
4. Các tiêu đề (chương, điều, khoản của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

## **CHƯƠNG II**

### **TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY**

#### **Điều 2. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY**

1. Tên Tổng công ty
  - a. Tên tiếng Việt: **TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP.**
  - b. Tên tiếng Anh: **PETROLIMEX PETROCHEMICAL CORPORATION., JSC.**
  - c. Tên giao dịch : **TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX**

- d. Tên viết tắt : **PLC**
2. Tổng công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp luật hiện hành của Việt Nam, thực hiện chế độ hạch toán độc lập; hoạt động theo Luật doanh nghiệp, theo Điều lệ này.
3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty:
- Địa chỉ: Tầng 18 và tầng 19 tòa nhà số 229 phố Tây Sơn, phường Ngã tư Sở, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
  - Điện thoại: (04) 38513205
  - Fax: (04) 38513207
  - E-mail: [plc@petrolimex.com.vn](mailto:plc@petrolimex.com.vn)
  - Website: <http://www.plc.petrolimex.com.vn>
4. Biểu trưng:



- Biểu trưng của Tổng công ty : được sử dụng Logo/Biểu tượng thương hiệu Petrokimex của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, đã được Tập đoàn đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và công nghệ, được cấp theo “Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu” số 147301 kèm theo Quyết định số 10582/QĐ-SHTT ngày 07/06/2010.
5. Tổng công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng công ty phù hợp với quyết định của HĐQT và trong phạm vi luật pháp cho phép.
6. Thời hạn hoạt động của Tổng công ty là vô hạn kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu vào ngày 18/02/2004. Việc chấm dứt hoạt động của Tổng công ty và thời gian gia hạn (nếu có) được ĐHCĐ của Tổng công ty thông qua bằng nghị quyết, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

### **Điều 3. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY**

Tổng công ty có 02 (hai) người đại diện theo pháp luật là:

- a. Chủ tịch HĐQT.
- b. Tổng giám đốc.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định cụ thể trong Quy định phân công thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty do HĐQT ban hành.

**CHƯƠNG III**  
**MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG**  
**CỦA TỔNG CÔNG TY**

**Điều 4. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG, LĨNH VỰC KINH DOANH CỦA TỔNG CÔNG TY**

1. Lĩnh vực kinh doanh của Tổng công ty:
  - a. Kinh doanh, xuất nhập khẩu Dầu mỡ nhờn, Nhựa đường, Hóa chất và các mặt hàng khác thuộc lĩnh vực dầu mỏ và khí đốt;
  - b. Kinh doanh, xuất nhập khẩu: vật tư, thiết bị chuyên ngành Hóa dầu;
  - c. Kinh doanh dịch vụ: vận tải, cho thuê kho bãi, pha chế, phân tích thử nghiệm, tư vấn, dịch vụ kỹ thuật Hóa dầu và các dịch vụ khác;
  - d. Đầu tư, kinh doanh địa ốc và bất động sản;
  - e. Kinh doanh dịch vụ cung ứng tàu biển;
  - f. Và các ngành nghề kinh doanh khác mà Pháp luật Việt Nam không cấm.
2. Mục tiêu hoạt động:
  - a. Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu đầu tư tại Tổng công ty và tại các doanh nghiệp khác, hoàn thành các nhiệm vụ do chủ sở hữu giao, trong đó chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu là một trong những chỉ tiêu quan trọng nhất.
  - b. Tối đa hóa hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty mẹ và tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con.
  - c. SXKD các sản phẩm Hóa dầu mang thương hiệu PETROLIMEX, có chất lượng đạt tiêu chuẩn Quốc gia, Quốc tế; dịch vụ hoàn hảo và thỏa mãn tốt nhất nhu cầu khách hàng;
  - d. Tiếp tục là một trong những Tổng công ty SXKD hàng đầu các sản phẩm Hóa dầu: Dầu mỡ nhờn, Nhựa đường, Hóa chất,... tại Việt Nam. Từng bước mở rộng hoạt động xuất khẩu các sản phẩm Hóa dầu sang các nước trong khu vực;
  - e. Đa dạng hóa các hoạt động SXKD trên cơ sở khai thác những lợi thế sẵn có của Tổng công ty, đảm bảo hiệu quả kinh doanh;
  - f. Không ngừng nâng cao giá trị doanh nghiệp nhằm mang lại giá trị tối đa cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định, từng bước nâng cao thu nhập cho người lao động;
3. Địa bàn kinh doanh: Tổng công ty hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.

**Điều 5. PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY**

1. Tổng công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Tổng công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tổng công ty.

2. Tổng công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được ĐHCĐ thông qua.

## **CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

### **Điều 6. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CỦA TỔNG CÔNG TY**

1. VDL của Tổng công ty là **807.988.390.000 VNĐ** (tám trăm lẻ bảy tỷ, chín trăm tám mươi tám triệu, ba trăm chín mươi nghìn đồng).
  - a. Tổng số VDL của Tổng công ty được chia thành **80.798.839 cổ phần** (tám mươi triệu, bảy trăm chín mươi tám nghìn, tám trăm ba mươi chín cổ phần), mệnh giá là 10.000 (Mười nghìn) VNĐ/cổ phần;
  - b. Tỷ lệ góp VDL của các cổ đông như sau:
    - Tập đoàn có số vốn góp là **638.892.590.000 VNĐ** (sáu trăm ba mươi tám tỷ, tám trăm chín mươi hai triệu, năm trăm chín mươi nghìn đồng), chiếm **79,07 %** VDL của Tổng công ty. Tập đoàn là cổ đông chi phối của Tổng công ty;
    - Các cổ đông khác có số vốn góp là **169.095.800.000 VNĐ** (Một trăm sáu mươi chín tỷ, không trăm chín lăm triệu, tám trăm nghìn đồng), chiếm **20,93 %** VDL của Tổng công ty.
2. Tổng công ty có thể tăng VDL khi được ĐHCĐ thông qua và phù hợp với quy định của Pháp luật, nhưng tỷ lệ vốn góp của Tập đoàn không thấp hơn 51% VDL Tổng công ty.
3. Tất cả các cổ phần hiện tại do Tổng công ty phát hành đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của ĐHCĐ và phù hợp với các quy định của Pháp luật.
5. Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam là Cổ đông sáng lập của Tổng công ty :
  - Địa chỉ trụ sở chính: số 01 phố Khâm Thiên - phường Khâm Thiên - quận Đống Đa - thành phố Hà Nội;
  - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107370;
  - Số lượng cổ phần Tổng công ty do Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam nắm giữ hiện là **63.889.259** (Sáu mươi ba triệu, tám trăm tám mươi chín nghìn, hai trăm năm mươi chín) cổ phần phổ thông.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp ĐHCĐ quyết định khác. Tổng công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong đó phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn phù hợp với quy định của luật Chứng khoán hiện hành để cổ đông đăng ký mua. Số cổ phần không được cổ đông đăng ký mua

hết sẽ do HĐQT quyết định. HĐQT có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Tổng công ty có thể mua lại cổ phần do chính Tổng công ty phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và Pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Tổng công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và HĐQT có thể chào bán theo những phương thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
8. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được ĐHCĐ thông qua và phù hợp với quy định của Pháp luật.

#### **Điều 7. CHỨNG NHẬN CỔ PHIẾU**

1. Cổ đông của Tổng Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Tổng công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Tổng công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Tổng công ty.

#### **Điều 8. CHỨNG CHỈ CHỨNG KHOÁN KHÁC**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng công ty.

#### **Điều 9. CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần

từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 10. THU HỒI CỔ PHẦN**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, HĐQT thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Tổng Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. HĐQT có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. HĐQT có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ (theo tỷ lệ không quá lãi suất vay ngắn hạn ngân hàng bình quân năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của HĐQT kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. HĐQT có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

**CHƯƠNG V  
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

**Điều 11. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.



## CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐÔNG CỔ ĐÔNG

### Điều 12. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Tổng công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
  - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
  - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHĐCĐ;
  - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
  - d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
  - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
  - f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ;
  - g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp ĐHĐCĐ và nghị quyết ĐHĐCĐ;
  - h. Trường hợp Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng công ty sau khi Tổng công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Tổng công ty theo quy định của pháp luật;
  - i. Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;
  - j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:
  - a. Đề cử các ứng viên HĐQT hoặc BKS theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;
  - b. Yêu cầu HĐQT thực hiện việc triệu tập họp ĐHĐCĐ theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;
  - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;
  - d. Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có

họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

### **Điều 13. NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG**

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Tổng công ty và các quy chế nội bộ của Tổng công ty; chấp hành quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.
2. Tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
  - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
  - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - a. Vi phạm pháp luật;
  - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tổng Công ty

### **Điều 14. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. ĐHĐCĐ thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Tổng Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp ĐHĐCĐ thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:

- a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty;
- b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- c. Số thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- e. BKS yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu BKS có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường

- a. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;
- b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, BKS phải thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;
- c. Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế HĐQT, BKS triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ được Tổng Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

**Điều 15. QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. ĐHĐCĐ thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- b. Báo cáo của HĐQT;
- c. Báo cáo của BKS;

- d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Tổng công ty.
2. ĐHĐCĐ thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
    - a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
    - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ;
    - c. Số lượng thành viên HĐQT;
    - d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
    - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT và BKS;
    - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT và Báo cáo tiền thù lao của HĐQT;
    - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty;
    - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
    - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng Công ty;
    - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng Công ty và chỉ định người thanh lý;
    - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT, BKS gây thiệt hại cho Tổng Công ty và cổ đông;
    - l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
    - m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
    - n. Tổng công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
    - o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
  3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
    - a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
    - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
  4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

#### **Điều 16. ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN**

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại

diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo mẫu của Tổng công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
  - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
  - b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
  - c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).
4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
  - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
  - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

## **Điều 17. THAY ĐỔI CÁC QUYỀN**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua.

Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các

cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.
3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng công ty không bị thay đổi khi Tổng công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

#### **Điều 18. TRIỆU TẬP HỌP, CHƯƠNG TRÌNH HỌP VÀ THÔNG BÁO HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc cuộc họp ĐHĐCĐ được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:
  - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ;
  - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
  - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
  - d. Dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
  - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
  - f. Thông báo và gửi thông báo họp ĐHĐCĐ cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
  - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;

- c. Phiếu biểu quyết;
  - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
  - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
  - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
  - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;
  - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

#### **Điều 19. CÁC ĐIỀU KIỆN TIỀN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất.

#### **Điều 20. THỂ THỨC TIỀN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký

hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
4. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường BKS điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.  

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.
5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được ĐHĐCĐ thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của ĐHĐCĐ đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.
8. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp ĐHĐCĐ sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.
9. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
  - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp ĐHĐCĐ;
  - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;



- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp. ĐHĐCĐ có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
10. Trong trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp ĐHĐCĐ khi xác định địa điểm đại hội có thể:
  - a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
  - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;
  - c. Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.
12. Hàng năm, Tổng công ty tổ chức họp ĐHĐCĐ ít nhất một (01) lần. ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

#### **Điều 21. THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ:
  - a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
  - b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Tổng công ty;
  - c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT, BKS và báo cáo việc HĐQT bổ nhiệm TGD .
2. Bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.
3. Các quyết định của ĐHĐCĐ liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Tổng công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
4. Các nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

#### **Điều 22. THẨM QUYỀN VÀ THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỂ THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định sau đây

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty.
2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Mục đích lấy ý kiến;
  - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
  - f. Thời hạn phải gửi về Tổng Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Tổng công ty theo các hình thức sau:
  - a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
  - b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.Các phiếu lấy ý kiến Tổng công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
6. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Tổng công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

### **Điều 23. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
  - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
  - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
  - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong chương trình họp;
  - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
  - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

- 2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- 3. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
- 4. Biên bản họp ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
- 5. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

#### **Điều 24. YÊU CẦU HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

- 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.
- 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quy định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp ĐHĐCĐ trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

### **CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 25. ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- 1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có

cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
  - b. Trình độ học vấn;
  - c. Trình độ chuyên môn;
  - d. Quá trình công tác;
  - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
  - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Tổng công ty;
  - g. Các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty (nếu có);
  - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
  - i. Các thông tin khác (nếu có).
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục HĐQT đương nhiệm giới thiệu ứng viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

#### **Điều 26. THÀNH PHẦN VÀ NHIỆM KỲ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

1. Số lượng thành viên HĐQT là 07 người. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau: Tổng số thành viên độc lập HĐQT phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT.
3. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:
  - a. Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;
  - b. Có đơn từ chức;
  - c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
  - d. Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ

- trường hợp bất khả kháng;
- e. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;
  - f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Tổng Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT;
  - g. Thành viên đó đại diện cho pháp nhân, khi pháp nhân không còn tư cách pháp nhân hoặc thôi cử là đại diện cho pháp nhân đó.
  - h. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Việc bổ nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của Tổng công ty.

#### **Điều 27. QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Tổng Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
  - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty;
  - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua;
  - c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng và quyết định mức lương của TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo các quy chế do HĐQT ban hành; cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc HĐQT ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó. Việc miễn nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị miễn nhiệm (nếu có);
  - d. Giám sát, chỉ đạo TGD và người điều hành khác;
  - e. Giải quyết các khiếu nại của Tổng Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
  - f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
  - g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Tổng Công ty;
  - h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;
  - i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định;
  - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;

- k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
  - l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
  - m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được ĐHĐCĐ ủy quyền;
  - n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Tổng công ty lên ĐHĐCĐ;
  - o. Báo cáo ĐHĐCĐ việc HĐQT bổ nhiệm TGD;
  - p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).
3. Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn:
- a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Tổng Công ty;
  - b. Thành lập các công ty con của Tổng Công ty;
  - c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do ĐHĐCĐ phê chuẩn, HĐQT quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Tổng Công ty;
  - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Tổng Công ty;
  - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng Công ty;
  - f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10 tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
  - g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
  - h. Việc định giá tài sản góp vào Tổng Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
  - i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
  - j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Tổng Công ty;
  - k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
4. HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của HĐQT đối với TGD và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp HĐQT không trình báo cáo lên ĐHĐCĐ, báo cáo tài chính năm của Tổng Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được HĐQT thông qua.
5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, HĐQT có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Tổng Công ty

**Điều 28. THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

1. Thành viên HĐQT (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên HĐQT theo thỏa thuận trong HĐQT hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Tổng Công ty, công ty con, công ty liên kết của Tổng Công ty và các công ty khác mà thành viên HĐQT là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Tổng Công ty. Thù lao của thành viên HĐQT phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Tổng Công ty.
3. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác mà theo HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
4. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT.

**Điều 29. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

1. ĐHĐCĐ hoặc HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên HĐQT để bầu Chủ tịch.
2. Chủ tịch HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
  - b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT;
  - c. Tổ chức việc thông qua quyết định của HĐQT;
  - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT;
  - e. Triệu tập và Chủ tọa họp ĐHĐCĐ;
  - f. Thay mặt HĐQT ký ban hành các nghị quyết, quyết định đã được HĐQT thông qua và các văn bản thông thường khác theo quy chế hoạt động của HĐQT;
  - g. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.
3. Chủ tịch HĐQT phải có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Tổng công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại ĐHĐCĐ.
4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định



tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch HĐQT không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán.

5. Chủ tịch HĐQT có thể bị bãi miễn theo quyết định của HĐQT. Trường hợp Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

### **Điều 30. CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

1. Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì Chủ tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
2. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.
3. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:
  - a. BKS;
  - b. TGD hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
  - c. Thành viên độc lập HĐQT;
  - d. Ít nhất hai (02) thành viên HĐQT;
  - e. Các trường hợp khác (nếu có).
4. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp HĐQT.
5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Tổng Công ty.
6. Cuộc họp HĐQT được tiến hành tại trụ sở chính của Tổng Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.
7. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng

Viết và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Tổng Công ty.

8. Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

9. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên HĐQT có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

#### 11. Biểu quyết

- a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

- c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;
  - d. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
  - e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
12. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tổng công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Tổng công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.
  13. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.
  14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
  15. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi biên bản họp HĐQT tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

#### **Điều 31. CÁC BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

1. HĐQT có các Ban giúp việc để hỗ trợ hoạt động của HĐQT theo nghị quyết của HĐQT.
2. HĐQT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của các Ban.

#### **Điều 32. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY**

1. HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty.
2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
  - a. Có hiểu biết về pháp luật;
  - b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty;

- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của HĐQT.
3. HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Tổng công ty tùy từng thời điểm.
4. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
  - a. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;
  - b. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
  - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
  - d. Tham dự các cuộc họp;
  - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp;
  - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và Kiểm soát viên;
  - g. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;
  - h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
  - i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

## **CHƯƠNG VIII TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 33. TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ**

Hệ thống quản lý của Tổng Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty. Tổng công ty có TGD điều hành chung, các Phó TGD, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết HĐQT.

### **Điều 34. NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP**

1. Theo đề nghị của TGD và được sự chấp thuận của HĐQT, Tổng Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng Công ty do HĐQT quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cưỡng để hỗ trợ Tổng Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với TGD do HĐQT quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của TGD.

**Điều 35. BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

1. HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm TGD; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của TGD phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Tổng Công ty.
2. Nhiệm kỳ của TGD không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm.  
Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. TGD không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
3. TGD có các quyền và nghĩa vụ sau:
  - a. Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư chung của Tổng Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
  - b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Tổng Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
  - c. Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty;
  - d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng Công ty;
  - e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Tổng Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định;
  - f. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
  - g. Vào ngày 15/12 hàng năm, trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
  - h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng Công ty;
  - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Tổng Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động ký với Tổng Công ty.

4. TGD chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
5. HĐQT có thể miễn nhiệm TGD khi đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm TGD mới thay thế.

## **CHƯƠNG IX BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 36. ÚNG CỬ, ĐỀ CỬ KIỂM SOÁT VIÊN**

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Petrolimex và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

### **Điều 37. KIỂM SOÁT VIÊN**

1. Số lượng Kiểm soát viên của Tổng công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và không thuộc các trường hợp sau:
  - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;
  - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng BKS phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Tổng công ty.

Trưởng BKS có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp BKS;
  - b. Yêu cầu HĐQT, TGD và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo BKS;
  - c. Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình ĐHĐCĐ.
4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
    - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
    - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
  - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
  - c. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;
  - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

### **Điều 38. BAN KIỂM SOÁT**

1. BKS có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
  - a. Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty;
  - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
  - c. Giám sát tình hình tài chính Tổng công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, TGD, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGD và cổ đông;
  - d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên HĐQT, TGD và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
  - e. Báo cáo tại ĐHĐCĐ theo quy định của Luật doanh nghiệp.
  - f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Thành viên HĐQT, TGD và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Tổng công ty theo yêu cầu của BKS. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của ĐHĐCĐ và của HĐQT, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên HĐQT phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên HĐQT.
3. BKS có thể ban hành các quy định về cuộc họp của BKS và cách thức hoạt động của BKS. BKS phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.
4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do ĐHĐCĐ quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của BKS hoặc thực thi các hoạt động khác của BKS.

**CHƯƠNG X**  
**TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,**  
**KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU**  
**HÀNH KHÁC**

**Điều 39. TRÁCH NHIỆM CẦN TRỌNG**

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng Công ty.

**Điều 40. TRÁCH NHIỆM TRUNG THỰC VÀ TRÁNH CÁC XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI**

1. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD, và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD, và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tổng công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD, và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Tổng công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
4. Trừ trường hợp ĐHCĐ có quyết định khác, Tổng Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Tổng Công ty với một hoặc nhiều Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc Tổng công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
  - a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm(20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD, người điều hành khác đã được báo cáo tới HĐQT. Đồng thời, HĐQT đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan;
  - b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp



đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

- c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Tổng công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc ĐHĐCĐ thông qua.

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

#### **Điều 41. TRÁCH NHIỆM VỀ THIẾT HẠI VÀ BỒI THƯỜNG**

1. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD, và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Tổng Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Tổng công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Tổng Công ty với tư cách thành viên HĐQT, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Tổng Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Tổng Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Tổng Công ty, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Tổng Công ty được Tổng Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Tổng Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
  - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Tổng Công ty;
  - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

**CHƯƠNG XI**  
**QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY**

**Điều 42. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp ĐHĐCĐ và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Tổng công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Tổng công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT, biên bản họp ĐHĐCĐ và HĐQT, các báo cáo của HĐQT, các báo cáo của BKS, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
4. Điều lệ Tổng công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

**CHƯƠNG XII**  
**CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

**Điều 43. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

1. TGD phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. TGD phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

**Điều 44. TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI TRONG TỔNG CÔNG TY**

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Tổng công ty hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ tổ chức.

2. Tổng công ty có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn cho việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội tại Tổng công ty; không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này.

### **CHƯƠNG XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

#### **Điều 45. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

1. ĐHĐCĐ quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng Công ty.
2. Tổng Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. HĐQT có thể kiến nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và HĐQT là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, HĐQT thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

### **CHƯƠNG XIV TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NẤM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

#### **Điều 46. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG**

1. Tổng Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng

Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Tổng Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng Công ty mở tài khoản.

#### **Điều 47. NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

#### **Điều 48. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

1. Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Tổng công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.
3. Tổng công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Tổng công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

### **CHƯƠNG XV BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

#### **Điều 49. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM, SÁU THÁNG VÀ HÀNG QUÝ**

1. Tổng công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 51 Điều lệ này. Trong thời hạn 120 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Tổng công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được ĐHCĐ thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Tổng công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Tổng công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy

định của Luật doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Tổng công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

#### **Điều 50. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **CHƯƠNG XVI KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY**

#### **Điều 51. KIỂM TOÁN**

1. ĐHĐCĐ thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với HĐQT.

Tổng công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Tổng công ty được phép tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp ĐHĐCĐ mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty.

### **CHƯƠNG XVII CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT**

#### **Điều 52. CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA TỔNG CÔNG TY**

1. Tổng công ty là công ty mẹ của công ty khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau

đây:

- a. Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó;
  - b. Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc TGD của công ty đó;
  - c. Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.
2. Tổng công ty có các đơn vị phụ thuộc và các công ty con, công ty liên kết. Danh sách các đơn vị phụ thuộc, các công ty con, công ty liên kết được nêu ở Phụ lục đính kèm theo Điều lệ này. Phụ lục là một phần của Điều lệ này.
  3. Tổng công ty có thể thành lập các công ty con, đơn vị phụ thuộc, Chi nhánh, Văn phòng Đại diện ở trong nước và ở nước ngoài để hỗ trợ hoạt động kinh doanh của Tổng công ty phù hợp với Nghị quyết được HĐQT thông qua và quy định của Pháp luật.

#### **Điều 53. QUAN HỆ GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC**

Các đơn vị phụ thuộc sẽ được báo cáo trong sổ kế toán của Tổng công ty, sẽ thực hiện công việc hoạt động, kinh doanh, duy trì sổ kế toán, tổ chức hoạt động của mình, quản lý nguồn nhân lực và tiến hành các hoạt động khác theo quy chế của Tổng công ty và quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị. Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sẽ do TGD xây dựng và trình HĐQT ban hành. Tổng công ty sẽ chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh dưới tên của các đơn vị phụ thuộc đó.

#### **Điều 54. QUAN HỆ GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI CÔNG TY CON LÀ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Tổng công ty là chủ sở hữu của các công ty con do Tổng công ty sở hữu 100% vốn điều lệ. HĐQT Tổng công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với công ty con này.

HĐQT Tổng công ty cử một hay nhiều người đại diện thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu đối với Công ty con theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Việc cử người đại diện phải được lập thành văn bản. Trình độ, quyền và nghĩa vụ của những người đại diện thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu tại Công ty con do HĐQT quyết định, phù hợp với Điều lệ Tổng công ty, Điều lệ Công ty con, Luật doanh nghiệp và Pháp luật có liên quan.

Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ đối với Công ty con như sau:

##### **1. Quyền hạn:**

- a. Quyết định nội dung Điều lệ công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- b. Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
- c. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý công ty theo Quy chế quản lý công tác tổ chức cán bộ của Tổng công ty;
- d. Thông qua Tổng biên chế lao động, Kế hoạch tiền lương hàng năm của Công ty con.
- e. Quyết định dự án đầu tư phát triển theo Quy chế Đầu tư của Tổng công ty;
- f. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

- g. Thông qua hợp đồng vay, cho vay và các hợp đồng khác do Điều lệ công ty con quy định có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty con hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ Công ty con và phù hợp với Quy chế Tài chính của Tổng công ty;
- h. Quyết định bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty con hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ Công ty con và phù hợp với Quy chế Tài chính của Tổng công ty;
- i. Quyết định tăng vốn điều lệ của công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác;
- j. Quyết định thành lập công ty con, góp vốn vào công ty khác;
- k. Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty; Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để soát xét/kiểm toán Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty con.
- l. Thông qua Báo cáo Tài chính hàng năm đã được kiểm toán, trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Công ty con.
- m. Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty;
- n. Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản công ty;
- o. Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty sau khi công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản;
- p. Thông qua một số Quy chế quản lý nội bộ của Công ty con: Quy chế quản lý Tài chính, Quy chế quản lý công tác Tổ chức - cán bộ, Quy chế lao động tiền lương, Quy chế quản lý Đầu tư, Quy chế quản lý công nợ, Quy chế hệ thống Công nghệ thông tin.
- q. Quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

## **2. Nghĩa vụ:**

- a. Tuân thủ Điều lệ công ty con.
- b. Góp đầy đủ và đúng hạn vốn điều lệ công ty.
- c. Xác định và tách biệt tài sản của Tổng công ty và tài sản của Công ty con.
- d. Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa công ty và chủ sở hữu công ty.
- e. Chủ sở hữu công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ đã góp ra khỏi công ty dưới hình thức khác thì chủ sở hữu và cá nhân, tổ chức có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty.
- f. Chủ sở hữu công ty không được rút lợi nhuận khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

- g. Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

**Điều 55. QUAN HỆ GIỮA TỔNG CÔNG TY ĐỐI VỚI CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT**

Quyền hạn, nghĩa vụ của Tổng công ty đối với các công ty liên kết được quy định trong Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư và các văn bản Pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty liên kết do Tổng công ty tham gia phê duyệt. Quyền hạn, nghĩa vụ của Tổng công ty đối với các công ty liên kết được thực hiện thông qua Người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty.

**CHƯƠNG XVIII  
CON DẤU**

**Điều 56. CON DẤU**

1. HĐQT quyết định thông qua con dấu chính thức của Tổng công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ Tổng công ty.
2. HĐQT, TGD sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

**CHƯƠNG XIX  
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

**Điều 57. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG**

1. Tổng công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
  - a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
  - b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của ĐHĐCĐ;
  - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
  - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Tổng công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do ĐHĐCĐ quyết định, HĐQT thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

**Điều 58. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

1. Chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty được chấm dứt hoạt động theo quyết định của Tổng công ty hoặc theo quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện bao gồm:
  - a. Quyết định của Tổng công ty về chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;



- b. Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế của chi nhánh và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội;
  - c. Danh sách người lao động và quyền lợi tương ứng hiện hành của người lao động;
  - d. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện;
  - e. Con dấu của chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có)
3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty và người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện bị giải thể liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.
  4. Tổng công ty chịu trách nhiệm thực hiện các hợp đồng, thanh toán các khoản nợ, gồm cả nợ thuế của chi nhánh và tiếp tục sử dụng lao động hoặc giải quyết đủ quyền lợi hợp pháp cho người lao động đã làm việc tại chi nhánh theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 59. GIA HẠN HOẠT ĐỘNG**

1. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Tổng công ty theo đề nghị của HĐQT.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ thông qua.

#### **Điều 60. THANH LÝ**

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Tổng công ty, HĐQT phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do ĐHĐCĐ chỉ định và một (01) thành viên do HĐQT chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Tổng công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Tổng công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
  - a. Các chi phí thanh lý;
  - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
  - c. Nợ thuế;
  - d. Các khoản nợ khác của Tổng công ty;
  - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

**CHƯƠNG XX**  
**GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

**Điều 61. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Tổng công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Tổng công ty, các quy định giữa:

- a. Cổ đông với Tổng công ty;
- b. Cổ đông với HĐQT, BKS, TGD hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hoặc Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu BKS chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

**CHƯƠNG XXI**  
**BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

**Điều 62. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được ĐHĐCĐ xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

**CHƯƠNG XXII**  
**NGÀY HIỆU LỰC**

**Điều 63. NGÀY HIỆU LỰC**

1. Bản điều lệ này gồm 22 chương 63 điều được ĐHĐCĐ thường niên 2018 nhất trí thông qua ngày 18 tháng 04 năm 2018 tại Nghị quyết số 01/NQ-PLC-ĐHĐCĐ và cùng chấp

thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
  - a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
  - b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
  - c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên HĐQT.

**Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2018**

**CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Ông Phạm Bá Nhuận**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

A handwritten signature in blue ink, consisting of a stylized 'N' and 'Đ' followed by a horizontal line.

**Ông Nguyễn Văn Đức**

**PHỤ LỤC 01**  
**DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC**  
**TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP**

1. **Chi nhánh Hóa dầu Đà Nẵng** – tầng 7, số 122 đường 2/9, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.
2. **Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn** - Số 15 Lê Duẩn, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. **Chi nhánh Hóa dầu Cần Thơ** - Đường trục chính, khu công nghiệp Trà Nóc I, quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ.
4. **Nhà máy Dầu nhờn Thượng Lý** – phường Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng.
5. **Nhà máy Dầu nhờn Nhà Bè** - huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh.

**PHỤ LỤC 02**  
**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON**  
**TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP**

**1. Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex:**

- Tên Tổng công ty

+ Tên tiếng Việt : **CÔNG TY TNHH NHỰA ĐƯỜNG PETROLIMEX**

+ Tên giao dịch quốc tế: **PETROLIMEX ASPHALT COMPANY LIMITED**

+ Tên viết tắt là : **PAC Co., Ltd**

- Trụ sở đăng ký của Công ty:

+ Địa chỉ: Tầng 19 tòa nhà số 229 phố Tây Sơn, phường Ngã tư Sở, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội;

+ Điện thoại: 04 38513206;

Fax : 04 38513209;

- Các đơn vị phụ thuộc Công ty con, gồm:

+ **Chi nhánh Nhựa đường Hải Phòng.**

+ **Chi nhánh Nhựa đường Đà Nẵng.**

+ **Chi nhánh Nhựa đường Bình Định.**

+ **Chi nhánh Nhựa đường Sài Gòn.**

+ **Chi nhánh Nhựa đường Cần Thơ.**

+ **Chi nhánh Nhựa đường tại Lào.**

+ **Chi nhánh Nhựa đường tại Campuchia.**

+ **Nhà máy Nhựa đường Thượng Lý.**

+ **Nhà máy Nhựa đường Cửa Lò.**

+ **Nhà máy Nhựa đường Thọ Quang.**

+ **Nhà máy Nhựa đường Quy Nhơn.**

+ **Nhà máy Nhựa đường Nhà Bè.**

+ **Nhà máy Nhựa đường Trà Nóc.**

**2. Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex:**

- Tên Tổng công ty

+ Tên tiếng Việt : **CÔNG TY TNHH HÓA CHẤT PETROLIMEX**

+ Tên giao dịch quốc tế: **PETROLIMEX CHEMICALS COMPANY LIMITED**

- Trụ sở đăng ký của Công ty:

+ Địa chỉ: Tầng 18 tòa nhà số 229 phố Tây Sơn, phường Ngã tư Sở, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.;

+ Điện thoại : 04 38513210;

Fax: 043 8513214;

- Các đơn vị phụ thuộc Công ty con, gồm:

- + Chi nhánh Hóa chất Sài Gòn.
- + Kho Hóa chất Thượng Lý.
- + Kho Hóa chất Nhà Bè.

**PHỤ LỤC 03**  
**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT**  
**TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP**

- 1. Công ty cổ phần Vận tải Hóa dầu VP.**





**QUY CHẾ**  
**NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY**

---

**TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP**

**HÀ NỘI, THÁNG 04 NĂM 2018**

# MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG.....	1
Điều 1. Mục đích ban hành và phạm vi điều chỉnh.....	1
Điều 2. Giải thích từ ngữ.....	1
CHƯƠNG II. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	2
MỤC I. CỔ ĐÔNG.....	2
Điều 3. Quyền của cổ đông.....	2
Điều 4. Điều lệ Tổng công ty.....	3
Điều 5. Những vấn đề liên quan đến cổ đông lớn.....	3
MỤC II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	3
Điều 6. ĐHĐCĐ.....	3
Điều 7. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ.....	4
Điều 8. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ.....	5
Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ.....	5
Điều 10. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.....	6
Điều 11. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ.....	8
Điều 12. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ.....	8
Điều 13. Điều kiện đề nghị quyết được thông qua.....	9
Điều 14. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ.....	10
Điều 15. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ.....	10
Điều 16. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên.....	12
Điều 17. Báo cáo hoạt động của BKS tại ĐHĐCĐ thường niên.....	12
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TV HĐQT.....	12
MỤC I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	12
Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT.....	12
Điều 19. Thành phần và nhiệm kỳ của TV HĐQT.....	13
Điều 20. Trách nhiệm của TV HĐQT.....	13
Điều 21. Chủ tịch HĐQT.....	14
MỤC II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, BÃI NHIỆM TV HĐQT.....	14
Điều 22. Tiêu chuẩn và điều kiện làm TV HĐQT.....	14

Điều 23. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí TV HĐQT	15
Điều 24. Cách thức bầu TV HĐQT .....	15
Điều 25. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm TV HĐQT .....	16
Điều 26. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm TV HĐQT .....	16
Điều 27. Cách thức giới thiệu ứng viên TV HĐQT .....	16
<b>MỤC III. TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HĐQT</b> .....	<b>16</b>
Điều 28. Thông báo họp HĐQT .....	16
Điều 29. Điều kiện tổ chức họp HĐQT .....	17
Điều 30. Cách thức biểu quyết, cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT .....	17
Điều 31. Ghi biên bản họp HĐQT .....	17
Điều 32. Thông qua nghị quyết và thông báo nghị quyết HĐQT .....	18
<b>CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT</b> .....	<b>19</b>
Điều 33. Tiêu chuẩn KSV .....	19
Điều 34. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí KSV theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty .....	19
Điều 35. Cách thức bầu KSV .....	19
Điều 36. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV .....	19
Điều 37. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV .....	20
Điều 38. Các ban thuộc HĐQT .....	20
Điều 39. Người phụ trách quản trị Tổng công ty .....	20
<b>CHƯƠNG V. LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY</b> .....	<b>21</b>
Điều 40. Người điều hành doanh nghiệp .....	21
Điều 41. Bổ nhiệm, miễn nhiệm TGD .....	21
Điều 42. Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác .....	22
Điều 43. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức đối với Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác .....	22
Điều 44. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm TGD, Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác .....	23
<b>CHƯƠNG VI. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ TGD</b> .....	<b>23</b>
Điều 45. Mối quan hệ giữa các TV HĐQT .....	23
Điều 46. Mối quan hệ công tác giữa HĐQT với TGD .....	23
Điều 47. Mối quan hệ công tác giữa HĐQT với BKS .....	25

CHƯƠNG VII. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY .....	26
Điều 48. Đánh giá hoạt động đối với TV HĐQT, KSV, TGD, Phó TGD, KTT và người điều hành khác .....	26
Điều 49. Khen thưởng.....	27
Điều 50. Kỷ luật.....	27
CHƯƠNG VIII. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY.....	27
Điều 51. Người phụ trách quản trị Tổng công ty .....	27
CHƯƠNG IX. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN TỔNG CÔNG TY.....	28
Điều 52. Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi của các TV HĐQT, TGD và người điều hành Tổng công ty khác .....	28
Điều 53. Giao dịch với người có liên quan .....	29
Điều 54. Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty .....	29
CHƯƠNG X. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH .....	30
Điều 55. Công bố thông tin .....	30
Điều 56. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng, quý .....	30
Điều 57. Tổ chức công bố thông tin của Tổng công ty.....	30
CHƯƠNG XI. CÁC VẤN ĐỀ KHÁC .....	31
Điều 58. Đào tạo về quản trị Tổng công ty .....	31
Điều 59. Giải quyết tranh chấp nội bộ .....	31
CHƯƠNG XII. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI QUY CHẾ QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY ....	32
Điều 60. Điều khoản thi hành.....	32

# QUY CHẾ

## NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CỦA TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-PLC-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ thường niên 2018 của Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex tổ chức vào ngày 18/04/2018)

### CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Mục đích ban hành và phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex-CTCP để (i) bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông và Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex -CTCP và (ii) đảm bảo Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex -CTCP hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex -CTCP và các chuẩn mực, thông lệ tốt nhất trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất.
2. Quy chế này áp dụng đối với các bộ phận trong bộ máy tổ chức của Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex -CTCP.

#### Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
  - a. “*Tổng công ty*” và “*PLC*” là Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex-CTCP;
  - b. “*Quản trị Tổng công ty*” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Tổng công ty được quản lý, định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Tổng công ty. Các nguyên tắc quản trị Tổng công ty bao gồm:
    - Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
    - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
    - Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
    - Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty;
    - Minh bạch trong hoạt động của Tổng công ty;
    - Lãnh đạo và kiểm soát Tổng công ty có hiệu quả.
  - c. “*Người có liên quan*” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Tổng công ty được quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.
  - d. “*Cổ đông lớn*” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty.

- e. Các từ ngữ, thuật ngữ khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.
2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

## **CHƯƠNG II. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **MỤC I. CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 3. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Tổng công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
  - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
  - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHĐCĐ;
  - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và pháp luật hiện hành;
  - d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
  - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
  - f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ;
  - g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp ĐHĐCĐ và nghị quyết ĐHĐCĐ;
  - h. Trường hợp Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng công ty sau khi Tổng công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Tổng công ty theo quy định của pháp luật;
  - i. Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;
  - j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục tính nhất sáu (06) tháng có các quyền sau đây:
  - a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị (HĐQT) hoặc Ban kiểm soát (BKS) theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ Tổng công ty;
  - b. Yêu cầu HĐQT thực hiện việc triệu tập họp ĐHĐCĐ theo các quy định tại Điều

- 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;
- c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;
  - d. Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
  - e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

#### **Điều 4. Điều lệ Tổng công ty**

Điều lệ Tổng công ty được ĐHĐCĐ thông qua trên cơ sở các quy định của pháp luật, được tham chiếu theo Điều lệ mẫu do Bộ Tài chính quy định và phù hợp với điều kiện thực tiễn của Tổng công ty.

#### **Điều 5. Những vấn đề liên quan đến cổ đông lớn**

1. HĐQT xây dựng cơ chế liên lạc thường xuyên với các cổ đông lớn.
2. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của Tổng công ty và của các cổ đông khác.

## **MỤC II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 6. ĐHĐCĐ**

1. ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng công ty. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. ĐHĐCĐ thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Tổng công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp ĐHĐCĐ thường niên để giải thích các nội dung liên quan.
3. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:
  - a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;
  - b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

- c. Số thành viên hội đồng quản trị (TV HĐQT), thành viên độc lập HĐQT, Kiểm soát viên (KSV) ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số TV HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ Tổng công ty yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- e. BKS yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu BKS có lý do tin tưởng rằng các TV HĐQT hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

#### 4. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường

- a. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số TV HĐQT, thành viên độc lập HĐQT hoặc KSV còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;
- b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, BKS phải thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;
- c. Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế HĐQT, BKS triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

### **Điều 7. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ**

1. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc cuộc họp ĐHĐCĐ được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 15 Điều lệ Tổng công ty.
2. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:
  - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ;



- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d. Dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- f. Thông báo và gửi thông báo họp ĐHĐCĐ cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

## **Điều 8. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ**

1. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên website của Tổng công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên website của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu TV HĐQT, KSV;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ Tổng công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

## **Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ**

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo mẫu của Tổng công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy

quyền dự họp;

- b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
- c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

### **Điều 10. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu

lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các TV HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng BKS điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được ĐHĐCĐ thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của ĐHĐCĐ đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp ĐHĐCĐ sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp ĐHĐCĐ;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp ĐHĐCĐ khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ Tổng công ty (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Tổng công ty tổ chức họp ĐHĐCĐ ít nhất một (01) lần. ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

### **Điều 11. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, TV HĐQT, KSV, TGD, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ Tổng công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ Tổng công ty.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty.

Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp ĐHĐCĐ theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

### **Điều 12. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ**

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau.

Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên website của Tổng công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

### **Điều 13. Điều kiện để nghị quyết được thông qua**

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Tổng công ty;
- c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế TV HĐQT, BKS và báo cáo việc HĐQT bỏ nhiệm TGD.

2. Bầu TV HĐQT và BKS phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của ĐHĐCĐ liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Tổng công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

4. Các nghị quyết của ĐHĐCĐ có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó. Các nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 147 của Luật Doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp

áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

5. Việc biểu quyết bầu TV HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử TV HĐQT hoặc KSV được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định trong quy chế bầu cử.

6. Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; Việc gửi nghị quyết được thực hiện bằng việc đăng tải trên website của Tổng công ty.

#### **Điều 14. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ**

1. Tổng công ty công bố nghị quyết ĐHĐCĐ trong vòng hai mươi bốn (24) giờ trên các ấn phẩm và Website của Tổng công ty và các phương tiện thông tin theo quy định.

2. Nghị quyết được công bố trên Website của Tổng công ty.

3. Việc thông báo nghị quyết ĐHĐCĐ phải chính xác, đầy đủ, kịp thời và do TGD hoặc người được uỷ quyền công bố thông tin thực hiện.

#### **Điều 15. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định sau đây:

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty.

2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Tổng công ty.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số của Tổng công ty;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước

công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Tổng công ty theo các hình thức sau:

- a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Tổng công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không phải là người điều hành Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Tổng công ty;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các TV HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Tổng công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên website của Tổng công ty

trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

#### **Điều 16. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên**

Báo cáo hoạt động của HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên phải có các nội dung chủ yếu sau:

- Đánh giá tình hình hoạt động của Tổng công ty trong năm tài chính;
- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT;
- Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT;
- Kết quả giám sát đối với TGD;
- Kết quả giám sát đối với người điều hành doanh nghiệp khác;
- Các kế hoạch dự kiến trong tương lai.

#### **Điều 17. Báo cáo hoạt động của BKS tại ĐHĐCĐ thường niên**

Báo cáo hoạt động của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên phải có các nội dung chủ yếu sau:

- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của BKS;
- Tổng kết các cuộc họp của BKS và các quyết định của BKS;
- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng công ty;
- Kết quả giám sát đối với TV HĐQT, TGD và người điều hành doanh nghiệp khác;
- Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGD và cổ đông;
- Các đề xuất và kiến nghị của BKS.

### **CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TV HĐQT**

#### **MỤC I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

##### **Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT**

1. HĐQT là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.



2. HĐQT có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 27 của Điều lệ Tổng công ty.
3. HĐQT thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi TV HĐQT có một phiếu biểu quyết.
4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ. Trong trường hợp nghị quyết do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm.
5. HĐQT Tổng công ty chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và trước pháp luật về mọi hoạt động của Tổng công ty.

### **Điều 19. Thành phần và nhiệm kỳ của TV HĐQT**

1. Số lượng TV HĐQT là bảy (07) người. Nhiệm kỳ của TV HĐQT không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Cơ cấu TV HĐQT như sau: Tổng số thành viên độc lập HĐQT phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số TV HĐQT.
3. TV HĐQT không còn tư cách TV HĐQT trong các trường hợp sau:
  - a. Không đủ tư cách làm TV HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm TV HĐQT;
  - b. Có đơn từ chức;
  - c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
  - d. Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - e. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;
  - f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Tổng công ty với tư cách là ứng viên HĐQT;
  - g. Do cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề nghị thay đổi người đại diện.
  - h. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
4. Việc bổ nhiệm TV HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. TV HĐQT có thể không phải là cổ đông của Tổng công ty.

### **Điều 20. Trách nhiệm của TV HĐQT**

1. TV HĐQT thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Tổng công ty, nghị quyết của ĐHĐCĐ;
2. TV HĐQT thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty;
3. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí

quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Tổng công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Tổng công ty.

5. TV HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận. TV HĐQT được ủy quyền cho người khác dự họp và hoặc giải quyết các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của TV HĐQT nếu được đa số TV HĐQT chấp thuận. Trường hợp này, TV HĐQT vẫn phải chịu trách nhiệm về những nội dung và kết quả ủy quyền cho người khác thực hiện. Người được ủy quyền có trách nhiệm báo cáo toàn bộ nội dung, kết quả thực hiện với người ủy quyền.

6. TV HĐQT có quyền yêu cầu TGD, Phó TGD, cán bộ quản lý các đơn vị trong Tổng công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty. Cán bộ quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của TV HĐQT.

7. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 21. Chủ tịch HĐQT**

1. HĐQT bầu một thành viên của HĐQT làm Chủ tịch.

2. Chủ tịch HĐQT có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT; chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

3. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Tổng công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số.

5. Chủ tịch HĐQT có thể bị bãi miễn theo quyết định của HĐQT. Trường hợp Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

## **MỤC II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, BÃI NHIỆM TV HĐQT**

### **Điều 22. Tiêu chuẩn và điều kiện làm TV HĐQT**

TV HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.
3. TV HĐQT Tổng công ty có thể đồng thời là TV HĐQT của công ty khác.

### **Điều 23. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí TV HĐQT**

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ số cổ phần có quyền biểu quyết:

- Từ 5% đến dưới 10% được đề cử một (01) ứng viên;
- Từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
- Từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
- Từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế do HĐQT đề xuất, đảm bảo ứng viên đủ tiêu chuẩn và điều kiện tham gia HĐQT quy định tại Điều 22 Quy chế này, Điều lệ Tổng công ty. Trong trường hợp này, ứng cử viên đủ điều kiện làm TV HĐQT độc lập được HĐQT đương nhiệm ưu tiên đề cử. Thủ tục HĐQT đương nhiệm giới thiệu ứng viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

### **Điều 24. Cách thức bầu TV HĐQT**

1. Việc biểu quyết bầu TV HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Người trúng cử TV HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

3. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định trong quy chế bầu cử.

## **Điều 25. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm TV HĐQT**

1. TV HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 2, Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Có đơn từ chức;
- d. Do cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề nghị thay đổi người đại diện.

2. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.

## **Điều 26. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm TV HĐQT**

Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi ĐHĐCĐ thống nhất thông qua kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm TV HĐQT, Tổng công ty có trách nhiệm công bố theo các quy định của pháp luật

## **Điều 27. Cách thức giới thiệu ứng viên TV HĐQT**

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên website của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm TV HĐQT.

2. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ TV HĐQT và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là TV HĐQT của Tổng công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

## **MỤC III. TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HĐQT**

### **Điều 28. Thông báo họp HĐQT**

1. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

2. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các TV HĐQT và các KSV ít nhất năm (03) ngày làm việc trước ngày họp. TV HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của TV HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng TV HĐQT và các KSV được đăng ký tại Tổng công ty.

### **Điều 29. Điều kiện tổ chức họp HĐQT**

1. Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số TV HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số TV HĐQT chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số TV HĐQT dự họp.

2. TV HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận. TV HĐQT được ủy quyền cho người khác dự họp và hoặc giải quyết các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của TV HĐQT nếu được đa số TV HĐQT chấp thuận. Trường hợp này, TV HĐQT vẫn phải chịu trách nhiệm về những nội dung và kết quả ủy quyền cho người khác thực hiện. Người được ủy quyền có trách nhiệm báo cáo toàn bộ nội dung, kết quả thực hiện với người ủy quyền.

### **Điều 30. Cách thức biểu quyết, cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT**

1. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số (trên 50%) TV HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.

2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số (trên 50%) TV HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

3. TV HĐQT có quyền bảo lưu ý kiến của mình.

### **Điều 31. Ghi biên bản họp HĐQT**

1. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng

nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung hợp;
- c. Thời gian, địa điểm hợp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự hợp hoặc người được ủy quyền dự hợp và cách thức dự hợp; họ, tên các thành viên không dự hợp và lý do;
- e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc hợp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự hợp theo trình tự diễn biến của cuộc hợp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Các vấn đề đã được thông qua;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

2. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc hợp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

### **Điều 32. Thông qua nghị quyết và thông báo nghị quyết HĐQT**

1. Nghị quyết của HĐQT được thông qua tại các phiên họp HĐQT hoặc xin ý kiến các TV HĐQT bằng văn bản, fax, thư điện tử theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty.

2. Chủ tịch HĐQT hoặc người được Chủ tịch HĐQT ủy quyền thay mặt HĐQT ký ban hành nghị quyết.

3. Nghị quyết của HĐQT có tính chất bắt buộc thi hành trong toàn hệ thống Tổng công ty. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT được sao gửi cụ thể như sau:

- a. Các TV HĐQT, TGD, BKS Tổng công ty.
- b. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT có liên quan đến từng lĩnh vực cụ thể được gửi tới các đơn vị và cá nhân có liên quan.
- c. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT có liên quan đến hoạt động của toàn hệ thống Tổng công ty, được sao gửi cho tất cả các đơn vị thành viên trong hệ thống Tổng công ty.

4. Tổng công ty thực hiện việc thông báo nghị quyết HĐQT theo quy định về việc công bố thông tin.

## CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT

### **Điều 33. Tiêu chuẩn KSV**

KSV phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và không thuộc các trường hợp sau:

1. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;
2. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong ba (03) năm liên trước đó.

### **Điều 34. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí KSV theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty**

1. Việc ứng cử, đề cử KSV được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ Tổng công ty.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế do BKS đương nhiệm đề xuất, đảm bảo ứng viên đủ tiêu chuẩn và điều kiện tham gia BKS quy định tại Điều 33 Quy chế này và Điều lệ Tổng công ty. Trong trường hợp này, ứng cử viên có kinh nghiệm chuyên môn liên quan đến Tổng công ty được BKS đương nhiệm ưu tiên đề cử. Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

### **Điều 35. Cách thức bầu KSV**

1. Việc biểu quyết bầu KSV phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
2. Người trúng cử KSV được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty.
3. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định trong quy chế bầu cử.

### **Điều 36. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV**

1. KSV bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm KSV theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
  - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- d. Do cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề nghị thay đổi người đại diện.
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. KSV bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của KSV quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
- c. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 37. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV**

Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi ĐHĐCĐ thống nhất thông qua kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS, Tổng công ty có trách nhiệm công bố theo các quy định của pháp luật.

### **Điều 38. Các ban thuộc HĐQT**

- 1. HĐQT có các Ban giúp việc để hỗ trợ hoạt động của HĐQT theo nghị quyết của HĐQT.
- 2. HĐQT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của các Ban.

### **Điều 39. Người phụ trách quản trị Tổng công ty**

- 1. HĐQT Tổng công ty bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.
- 2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
  - a. Có hiểu biết về pháp luật;
  - b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty;
  - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và quyết định của HĐQT.
- 3. HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Tổng công ty tùy từng thời điểm.
- 4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
  - a. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;
  - b. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
  - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
  - d. Tham dự các cuộc họp;
  - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp;



- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho TV HĐQT và KSV;
- g. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

## **CHƯƠNG V. LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY**

### **Điều 40. Người điều hành doanh nghiệp**

1. Theo đề nghị của TGD và được sự chấp thuận của HĐQT, Tổng công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng công ty do HĐQT quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với TGD do HĐQT quyết định và hợp đồng lao động với những người điều hành khác do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của TGD.

### **Điều 41. Bổ nhiệm, miễn nhiệm TGD**

1. HĐQT bổ nhiệm một (01) TV HĐQT hoặc một người khác làm TGD; ký hợp đồng lao động trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của TGD phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty.
2. Nhiệm kỳ của TGD không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.
3. TGD phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau:
  - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.
  - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Tổng công ty.
  - c. TGD không được đồng thời là Giám đốc hoặc TGD của doanh nghiệp khác.
4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám quy định tại khoản 3 Điều 35 Điều lệ Tổng công ty.
5. TGD chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
6. HĐQT có thể miễn nhiệm TGD khi đa số TV HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm TGD mới thay thế.

## **Điều 42. Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác**

1. Tổng công ty có các Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác được HĐQT bổ nhiệm, ký hợp đồng có thời hạn (không quá 05 năm) và có thể được bổ nhiệm lại, thay thế. Cơ cấu, số lượng Phó TGD phù hợp với quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.
2. Phó TGD giúp TGD quản lý, điều hành Tổng công ty theo phân công và/hoặc ủy quyền; chịu trách nhiệm trước TGD, HĐQT và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.
3. KTT có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán của Tổng công ty; giúp TGD, HĐQT giám sát tài chính tại Tổng công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước TGD, HĐQT và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.
4. Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Quy chế quản lý công tác tổ chức – cán bộ của Tổng công ty do HĐQT ban hành và pháp luật có liên quan.
5. Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác được hưởng tiền lương và lợi ích khác theo quy định của Tổng công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

## **Điều 43. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức đối với Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác**

1. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác:
  - a. HĐQT là cơ quan trực tiếp thực hiện việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác.
  - b. HĐQT tìm chọn hoặc TGD đề xuất lựa chọn cán bộ để giới thiệu cho HĐQT căn cứ vào các tiêu chuẩn và nhu cầu công việc của vị trí cần bổ nhiệm.
  - c. Căn cứ vào danh sách các ứng viên để bổ nhiệm vào vị trí Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác, HĐQT tiến hành quy trình bổ nhiệm cán bộ theo quy định tại Quy chế quản lý công tác tổ chức cán bộ của Tổng công ty.
2. Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác:
  - a. Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác muốn từ chức phải làm đơn gửi cho HĐQT. HĐQT xem xét và ra quyết định trong thời hạn một (01) tháng kể từ khi tiếp nhận đơn xin từ chức. Trong thời gian chưa có ý kiến chuẩn y của HĐQT, Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.
  - b. HĐQT có thể miễn nhiệm Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác trong các trường hợp sau:
    - Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;
    - Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
    - Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Tổng công ty; vi

- phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức.
- Các trường hợp khác.
  - c. Quy trình miễn nhiệm, từ chức đối với Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác thực hiện theo quy định tại Quy chế quản lý công tác tổ chức cán bộ của Tổng công ty.

#### **Điều 44. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm TGD, Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác**

Sau khi có quyết định bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm đối với TGD, Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác; Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Tổng công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên Website của Tổng công ty theo quy định.

### **CHƯƠNG VI. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ TGD**

#### **Điều 45. Mối quan hệ giữa các TV HĐQT**

1. Quan hệ giữa các TV HĐQT là quan hệ phối hợp; các TV HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý các công việc mà TV HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do TV HĐQT khác phụ trách mà cần có ý kiến của thành viên đó thì TV HĐQT chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý. Trong trường hợp giữa các TV HĐQT còn có ý kiến khác nhau, thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hay lấy ý kiến của các TV HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Tổng công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT do HĐQT ban hành.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại công việc giữa các TV HĐQT thì các TV HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan bằng văn bản.

#### **Điều 46. Mối quan hệ công tác giữa HĐQT với TGD**

1. HĐQT chịu trách nhiệm bổ nhiệm TGD để điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty; đồng thời kịp thời bãi nhiệm TGD không đáp ứng được các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty.
2. HĐQT lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của TGD trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp TGD hoàn thành nhiệm vụ được giao.
3. HĐQT thực hiện việc khen thưởng và kỷ luật, xử lý sai phạm đối với TGD một cách khách quan trên các căn cứ và cơ sở phù hợp quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Tổng công ty.
4. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Tổng công ty thì TGD đề nghị với HĐQT để xem xét điều chỉnh lại

ng nghị quyết, quyết định. Trường hợp HĐQT không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì TGD vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên ĐHĐCĐ gần nhất.

5. Trước các cuộc họp HĐQT 03 (ba) ngày làm việc; TGD phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh tháng, quý, năm và phương hướng hoạt động trong thời kỳ tới của Tổng công ty cho HĐQT (thông qua Thư ký HĐQT).

6. TGD có trách nhiệm báo cáo HĐQT mọi vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành kinh doanh của Tổng công ty.

7. Chủ tịch HĐQT tham dự hoặc cử đại diện của HĐQT tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các đề án trình HĐQT do TGD chủ trì. Chủ tịch HĐQT hoặc người đại diện HĐQT dự họp có quyền phát biểu đóng góp ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.

8. Định kỳ hàng năm HĐQT xem xét, đánh giá, phê duyệt bổ sung quy hoạch lãnh đạo cho các vị trí TGD, Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác.

9. Các chương trình nghiên cứu, khảo sát, học tập trong nước và ngoài nước; các cuộc đàm phán và ký kết hợp đồng... của Tổng công ty có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT, TGD có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch HĐQT đề cử TV HĐQT tham dự.

10. Các cuộc họp do các cơ quan có liên quan mời ban lãnh đạo Tổng công ty tham dự (trừ những trường hợp mời đích danh), thì tùy theo tính chất từng cuộc họp để phân công cụ thể. Những cuộc họp có liên quan đến đổi mới tổ chức, cơ chế, chính sách, kế hoạch hàng năm, kế hoạch 5 năm, chiến lược phát triển trung-dài hạn hoặc xử lý những vấn đề đang vướng mắc lớn của Tổng công ty thì Chủ tịch HĐQT và TGD cùng dự; hoặc Chủ tịch HĐQT quyết định một trong hai chức danh trên tham dự, sau đó thông báo lại cho nhau.

11. Tại các phiên họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung họp để quyết định mời thêm các Phó TGD hoặc Trưởng/Phó Phòng/Ban/đơn vị phục trách mảng công việc có liên quan tham dự họp, báo cáo công việc cụ thể và tham gia ý kiến (nếu có).

12. Tại các phiên họp định kỳ hoặc đột xuất của Ban TGD hoặc các phiên họp liên quan đến các nội dung quan trọng do Ban TGD chủ trì, người chủ trì mời và Chủ tịch HĐQT tham dự hoặc cử đại diện HĐQT cùng tham dự họp và chỉ đạo trực tiếp (nếu có).

13. TGD chịu trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo định kỳ.

14. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, theo yêu cầu của các TV HĐQT, TGD, Phó TGD và cán bộ quản lý Tổng công ty thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo chỉ đạo giải quyết có liên quan đến mảng công việc được phân công phụ trách, thực hiện.

15. TGD phải hoạch định, xây dựng và đăng ký kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể trong từng

thời kỳ của Tổng công ty để báo cáo HĐQT.

16. Trường hợp phát hiện có rủi ro, hoặc các sự cố, các việc có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc kết quả, hiệu quả, an toàn hoạt động kinh doanh của Tổng công ty hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác. TGD phải báo cáo ngay HĐQT để chỉ đạo giải quyết kịp thời.

17. Tất cả các văn bản, tờ trình báo cáo HĐQT phải do TGD ký trình. Trường hợp đặc biệt, TGD có thể ủy quyền bằng văn bản cho 01 Phó TGD thực hiện, trường hợp này TGD vẫn phải chịu trách nhiệm về những nội dung ủy quyền.

#### **Điều 47. Mọi quan hệ công tác giữa HĐQT với BKS**

1. HĐQT có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với BKS tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho BKS, tôn trọng tính độc lập, khách quan của BKS.

2. HĐQT có trách nhiệm bố trí bộ máy giúp việc cho BKS, tạo điều kiện tốt nhất cho các KSV BKS trong việc thực hiện chức năng, quyền hạn, nghĩa vụ của BKS; và có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh, xử lý các sai phạm theo kiến nghị, đề xuất của BKS. Tiền lương, thù lao của bộ máy giúp việc do HĐQT quyết định.

3. Chủ tịch HĐQT mời BKS tham dự cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT.

4. Trưởng BKS có trách nhiệm thông báo kịp thời tới HĐQT những vấn đề phát sinh tại các cuộc họp của BKS, mọi biên bản họp BKS phải được gửi tới HĐQT (thông qua Thư ký HĐQT) chậm nhất sau năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc họp BKS.

5. BKS phải kịp thời thông báo cho HĐQT khi phát hiện trường hợp vi phạm của người quản lý Tổng công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty;

6. Chậm nhất vào ngày mùng năm (05) của tháng đầu quý, BKS gửi cho HĐQT (thông qua Thư ký HĐQT) báo cáo thực hiện công tác giám sát tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty trong quản trị, điều hành Tổng công ty; trong đó có các kiến nghị, đề xuất giải pháp (nếu có) để ngăn ngừa, khắc phục, xử lý các sai phạm. Thư ký HĐQT có trách nhiệm gửi báo cáo của BKS cho các TV HĐQT cùng với các tài liệu khác để phục vụ cho họp HĐQT.

7. HĐQT có quyền đề nghị BKS thực hiện kiểm tra, giám sát theo yêu cầu.

8. Trên cơ sở các báo cáo của BKS, HĐQT có trách nhiệm chỉ đạo từng đơn vị/toàn hệ thống công ty mẹ - công ty con trong Tổng công ty có giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế, sai phạm để tổ chức kinh doanh an toàn, hiệu quả theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

9. Thông qua BKS, HĐQT xem xét tính trung thực của các Báo cáo tài chính; thông tin tài chính, tính hiệu quả của hoạt động kiểm soát nội bộ và quản lý thông tin được công bố.

10. BKS có quyền đề nghị HĐQT họp bất thường hoặc triệu tập ĐHĐCĐ họp bất thường theo pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

11. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, KSV BKS có thể đề nghị HĐQT cung cấp

thông tin, tài liệu cụ thể về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

12. HĐQT đảm bảo tất cả các tài liệu, thông tin tài chính và thông tin khác được cung cấp cho các TV HĐQT sẽ được cung cấp đồng thời cho BKS.

## **CHƯƠNG VII. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY**

**Điều 48. Đánh giá hoạt động đối với TV HĐQT, KSV, TGD, Phó TGD, KTT và người điều hành khác**

1. Phân cấp đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm:

- a. HĐQT đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng TV HĐQT, TGD, Trưởng BKS và cán bộ thuộc quyền quản lý theo phân cấp quản lý cán bộ.
- b. TGD đánh giá các cán bộ thuộc quyền quản lý theo phân cấp quản lý cán bộ.
- c. Trưởng BKS đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các KSV.

2. Phương thức đánh giá:

Tùy thuộc vào quy định của HĐQT, công tác đánh giá hoạt động của TV HĐQT, TGD, KSV, Phó TGD, KTT và người điều hành khác có thể được tiến hành một hoặc một số phương thức sau:

- Tự nhận xét đánh giá;
- Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm;
- Cách thức phù hợp khác do HĐQT lựa chọn vào từng thời điểm.

3. Tiêu chí đánh giá, gồm:

- a. Kết quả thực hiện công việc được giao bao gồm mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc cá nhân và sự phát triển, kết quả hoạt động của đơn vị.
- b. Phẩm chất đạo đức, lối sống, nhận thức, tư tưởng, việc tuân thủ và chấp hành Điều lệ Tổng công ty, chủ trương, chính sách của Tổng công ty và pháp luật.
- c. Tinh thần học tập nâng cao trình độ, tính trung thực, cầu thị trong công tác, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đang đảm nhiệm.
- d. Khả năng quản lý, phong cách, thái độ trong quản lý, việc chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu.
- e. Đoàn kết, phối hợp trong đơn vị với các đơn vị trong hệ thống Tổng công ty và mức độ tín nhiệm.
- f. Các tiêu chí đánh giá khác (nếu có) do HĐQT ban hành trong từng thời kỳ.

#### 4. Xếp loại đánh giá

- a. Căn cứ vào kết quả đánh giá, việc xếp loại TV HĐQT, TGD, KSV, Phó TGD, KTT và người điều hành khác được phân thành các loại sau:
  - Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;
  - Hoàn thành nhiệm vụ được giao;
  - Không hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- b. Các văn bản đánh giá hoạt động của TV HĐQT, TGD, KSV, Phó TGD, KTT và người điều hành khác phải được lưu giữ trong hồ sơ cá nhân của cán bộ.

#### **Điều 49. Khen thưởng**

1. Các TV HĐQT, TGD, KSV, Phó TGD, KTT và người điều hành khác có thành tích trong công tác quản trị, điều hành và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của Luật thi đua khen thưởng và Quy chế thi đua khen thưởng và các quy định nội bộ khác của Tổng công ty do HĐQT ban hành.
2. Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo Quy chế khen thưởng và các quy định nội bộ khác của Tổng công ty.

#### **Điều 50. Kỷ luật**

1. Các TV HĐQT, TGD, KSV, Phó TGD, KTT và người điều hành khác trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm các quy định khác có liên quan của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, quy chế nội quy lao động và các quy định khác có liên quan của Tổng công ty; tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của Pháp luật và các quy định nội bộ khác của Tổng công ty.
2. HĐQT quyết định kỷ luật đối với các chức danh do HĐQT bổ nhiệm.
3. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy chế của Tổng công ty.

### **CHƯƠNG VIII. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY**

#### **Điều 51. Người phụ trách quản trị Tổng công ty**

1. HĐQT bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
  - a. Có hiểu biết về pháp luật;
  - b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện

- kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và quyết định của HĐQT.
3. HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
- HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Tổng công ty tùy từng thời điểm.
4. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
- Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;
  - Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
  - Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
  - Tham dự các cuộc họp;
  - Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp;
  - Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho TV HĐQT và KSV;
  - Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;
  - Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
  - Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
5. Sau khi có quyết định bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm đối với Người phụ trách quản trị Tổng công ty; Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Tổng công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên Website của Tổng công ty theo quy định.

## **CHƯƠNG IX. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN TỔNG CÔNG TY**

### **Điều 52. Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi của các TV HĐQT, TGD và người điều hành Tổng công ty khác**

- TV HĐQT, TGD, KSV, Phó TGD, KTT và người điều hành khác và những người liên quan không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tổng công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân và/hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức và/hoặc cá nhân khác.
- TV HĐQT, TGD, KSV, Phó TGD, KTT và người điều hành khác có trách nhiệm và nghĩa vụ thông báo cho HĐQT những hợp đồng giữa Tổng công ty với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan tới đối tượng đó. Những đối tượng này được tiếp tục thực hiện hợp đồng khi các TV HĐQT không có quyền và lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.



3. Tổng công ty không được phép cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các TV HĐQT, TGD, KSV, Phó TGD, KTT và người điều hành khác và những người có liên quan hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà các đối tượng trên có quyền và lợi ích liên quan, trừ khi ĐHĐCĐ có quyết định khác.

4. TV HĐQT không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, kể cả trong trường hợp quyền và lợi ích của TV HĐQT trong giao dịch này chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính cùng kỳ và công bố trong Báo cáo thường niên.

5. Các TV HĐQT, TGD, KSV, Phó TGD, KTT và người điều hành khác hay người có liên quan với các đối tượng trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng công ty để tiết lộ cho người khác hay để tự mình tiến hành các giao dịch có liên quan.

### **Điều 53. Giao dịch với người có liên quan**

1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, Tổng công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể. Các điều khoản ký kết, bổ sung sửa đổi, thời hạn hiệu lực, giá cả cũng như căn cứ xác định giá cả của hợp đồng phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

2. Tổng công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Tổng công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Tổng công ty thông qua việc độc quyền các kênh mua, bán, phân phối, lũng đoạn giá cả...

3. Tổng công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Tổng công ty. Tổng công ty không được cung cấp những đảm bảo về tài chính cho các cổ đông và người có liên quan.

### **Điều 54. Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty**

1. Tổng công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty.

2. Tổng công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty thông qua việc:

- a. Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của Tổng công ty và đưa ra quyết định;
- b. Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với HĐQT, TGD, Phó TGD và BKS.

3. Tổng công ty phải quan tâm tới các vấn đề về phúc lợi, bảo vệ môi trường, lợi ích chung của cộng đồng, và trách nhiệm xã hội của Tổng công ty.

## CHƯƠNG X. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

### **Điều 55. Công bố thông tin**

1. Tổng công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Tổng công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ. Ngoài ra, Tổng công ty phải công bố kịp thời và đầy đủ các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và nhà đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

### **Điều 56. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng, quý**

1. Tổng công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định, và phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được ĐHĐCĐ thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Tổng công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Tổng công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của Tổng công ty phải được công bố trên website của Tổng công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Tổng công ty, tại trụ sở chính của Tổng công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

6. Tổng công ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **Điều 57. Tổ chức công bố thông tin của Tổng công ty**

1. Tổng công ty tổ chức công bố thông tin gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Xây dựng ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn;

- Bổ nhiệm tối thiểu một (01) cán bộ công bố thông tin.
2. Cán bộ công bố thông tin có thể là Thư ký hoặc cán bộ quản lý kiêm nhiệm.
3. Cán bộ công bố thông tin phải là người:
- Có kiến thức kế toán, tài chính, có kỹ năng nhất định về tin học;
  - Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;
  - Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị Tổng công ty theo quy định;
  - Chịu trách nhiệm về công bố thông tin của Tổng công ty với nhà đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

## **CHƯƠNG XI. CÁC VẤN ĐỀ KHÁC**

### **Điều 58. Đào tạo về quản trị Tổng công ty**

TV HĐQT, TGD, KSV phải tham gia các khóa đào tạo về quản trị Tổng công ty do các cơ sở đào tạo tổ chức để nâng cao kiến thức, đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ quản trị Tổng công ty.

### **Điều 59. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Tổng công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a. Cổ đông với Tổng công ty; hoặc
- b. Cổ đông với HĐQT, TGD, Phó TGD và BKS hay người điều hành khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trưởng BKS chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## **CHƯƠNG XII. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI QUY CHẾ QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY**

### **Điều 60. Điều khoản thi hành**

1. Quy chế này gồm 12 chương 60 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 4 năm 2018. Các quy định trái với Quy chế này đều bãi bỏ.
2. Các TV HĐQT, TGD, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện quy chế này.
3. BKS có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện quy chế trong Tổng công ty.
4. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định có liên quan tới Quy chế này do HĐQT Tổng công ty quyết định.
5. Trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này, hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty./.

**CHỦ TỌA  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018  
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP**

A red circular stamp with the text "M.S.D.N. 0167493014-C.T.C.P." around the top edge and "TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX CTCP" in the center. A blue ink signature is written over the stamp.

**PHẠM BÁ NHUẬN**